

VĂN LUYỆN

TỰ HỌC ĐÀN THẬP LỤC ĐÀN TRANH



NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

VĂN LUYỆN

Tự học
đàn thập lục
(đàn tranh)

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

LỜI NÓI ĐẦU

Tập sách này nhằm phục vụ những người tự học đàn thập lục, chưa biết gì về đàn thập lục, nhưng đã biết ký xướng âm.

Nếu đạt được những yêu cầu đề ra cho từng bài một, sau khi học xong tập này, người tự học sẽ có một số vốn về cơ bản, về ngón kỹ thuật, về các cách đánh; với số vốn đó, có thể đánh được bài nhạc cổ, nhạc dân ca và cũng có thể tham gia đàn nhạc dân tộc hiện đại, đánh những bài nhạc phối khí không quá khó.

Về cơ bản, ngón kỹ thuật, các cách đánh, chúng tôi nêu lên hầu hết vốn cổ đã có và hiện nay còn đang được dùng nhiều. Cách nào rất ít dùng tới như “ngón tích”, chúng tôi không nêu. Ngoài ra, dựa vào cơ bản của vốn cổ, chúng tôi cố gắng đưa thêm vào một vài ngón mới, ví dụ như “ngón á” kiểu mới, “ngón song huyền”... Những ngón này có thể có hiệu quả tốt qua thử nghiệm ở đàn nhạc dân tộc hiện đại có phối khí.

Kinh nghiệm chưa được bao nhiêu, chúng tôi phải cố gắng nhiều để biên soạn tập I của phương pháp tự học đàn thập lục này.

Rất mong được sự góp ý của các nghệ sĩ có kinh nghiệm, của anh chị em tự học với tập sách này.

VĂN LUYỆN

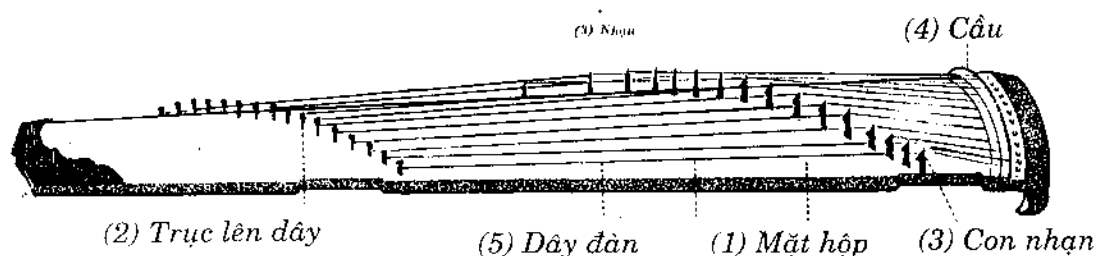
PHẦN THỨ NHẤT

Giới thiệu cây đàn thập lục

1. Tên gọi: Cây đàn mà chúng ta học, ở miền Bắc gọi là *đàn thập lục*. Ở miền Nam - và cũng có một số người miền Bắc - gọi là *đàn tranh*.

2. Các bộ phận chính: 1. Mặt hộp tiếng vang; 2. Trục lên dây; 3. Con nạm (gọi thế vì thấy giống chim nạm, cũng có người gọi là con ngựa) dùng để dẫn tiếng đàn vào hộp tiếng vang, đồng thời để lên xuống độ cao của dây; 4. Cầu; 5. Dây đàn (xem hình vẽ).

CÂY ĐÀN THẬP LỤC



3. Dây đàn: Đàn thập lục học trong sách này là đàn thập lục nhỏ, âm sắc giọng nữ cao (xôpranô). Dây mắc cho nó cả thảy là 16, bằng thép, cùng cỡ, cỡ bé bằng dây măngđôlin kêu rất vang.

Loại dây bằng thép dễ gỉ, lúc chưa gỉ tiếng kêu trong trẻo, nhưng ít bền, từ trong trẻo sang “đục”. Để giữ tiếng của loại dây này được tốt, cần phải thường dùng giấy giáp (giấy nhám) đánh dây.

Loại dây bằng thép không gỉ, tiếng kêu phần nào không trong trẻo bằng loại dây trên, nhưng bền hơn, không hay đứt; dùng lâu, âm sắc ít bị thay đổi.

So dây

1. Đàn để trước mặt, đầu đàn thon bé ở phía bên trái; đầu to ở phía bên phải. So dây tức là so độ cao của những đoạn dây ở phía bên phải của con nạm.

2. Có thể so dây theo nhiều kiểu, tùy theo gam của bài nhạc ta đánh. Trong sách này, ta sẽ tập bài của một số kiểu thường dùng. Số kiểu gam đó có thể như sau:

Kiểu 1: *Đô rê pha xon la (đô)*

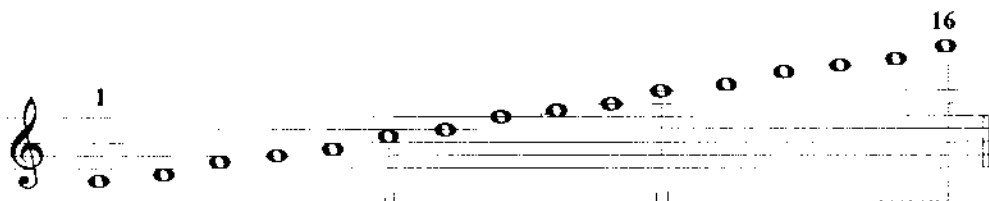
Kiểu 2: *Đô rê mi xon la (đô)*

Kiểu 3: *Đô rê pha xon xi giăng (đô) ...*

(Những gam nêu trên đây là gam năm âm dân tộc. Có thể so thành gam bảy âm hoặc nhiều hơn nữa, nhưng trong tập này chúng tôi không nói đến).

3. **So dây từ âm thấp lên cao**, bắt đầu từ sợi dài nhất ở ngoài cùng.

Lấy gam kiểu 1 làm ví dụ, ta sẽ so dây đàn thập lục theo bảng độ cao như sau:



Trong bảng so dây này, ta có gam *đô rê pha xon la (đô)* ở ba âm vực.

Nốt *đô* thấp nhất là nốt của dây dài nhất ngoài cùng (*đô 1*), nốt *đô* cao nhất là nốt của dây ngắn nhất ở trong cùng (*đô 16*).

Nếu so dây theo một kiểu gam năm âm khác, cũng sẽ có ba âm vực như vậy.

4. Vị trí của nhận (ngựa): Những con nhận đứng cách xa cái cầu bao nhiêu thì tiếng đàn càng ngân vang bấy nhiêu. Do đó, khi xếp vị trí của từng con nhận, ta cần phải xếp nó cách cái cầu ở mức càng xa nếu có thể, ở mức mà sau khi dây đã lên đến độ cao mong muốn, ngón tay trái ta ấn trên đoạn dây bên trái của nhận ta nhận thấy dây không “cứng” quá mà cũng không “mềm” quá. Dây có thể nhấn nhá, nắn nót được. Tất nhiên, dưới những dây càng cao bao nhiêu thì nhận càng gần cầu bấy nhiêu.

Nhận dịch về bên phải thì nâng độ cao lên, dịch về bên trái thì hạ độ cao xuống. Khi cần lên xuống độ cao một ít (trong vòng nửa âm), ta dịch nhận qua lại.

Vì cần thiết dịch nhận qua lại một ít để lên xuống độ cao, cho nên đừng xếp các con nhận dịch sát vào nhau. Nhất là dưới những nốt “cơ động” (như nốt *mi - pha*, *rê - mi*, *la - xi giăng...*), những con nhận đó cần có một khoảng rộng cần thiết để dịch sang trái, phải khi đổi gam, nâng nốt *mi* lên *pha*, *rê* lên *mi*, *la* lên *xi giăng...* hoặc ngược lại.

5. Sau khi mắc dây mới vào đàn, ta dùng ngón tay ấn, nắn vừa phải trên sợi dây (ở cả hai phía phải và trái của nhận), để dây cuốn chặt vào chỗ mắc dây, vào trục. Cần phải làm như thế vài lần, rồi mới lên đến độ cao mong muốn. Để tránh tình trạng trong lúc đang đánh đàn, dây còn lỏng lẻo nên bị tụt thấp xuống.

Tư thế đánh đàn

Có nhiều tư thế đánh đàn.

Tư thế thứ nhất - Đàn để trên mặt phẳng, người đánh đàn ngồi trên phân, chân phải co lại, xếp nằm trên mặt phẳng; chân trái co lại, xếp đứng. Tư thế này là theo kiểu cổ, lúc chơi đàn trong phòng.



Tư thế thứ nhất

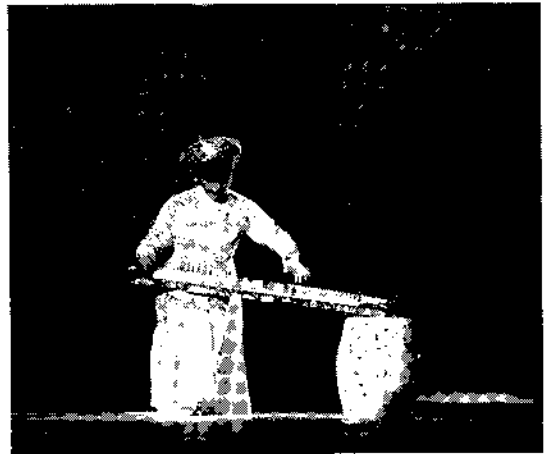
Tư thế thứ hai - Người đánh đàn ngồi trên một ghế chiều cao vừa phải, hai bàn chân chạm mặt đất hoặc mặt sân khấu, đàn gác lên trên hai đùi. Tư thế này có thể dùng khi đánh ở sân khấu.

Tư thế thứ ba - Đứng đánh, đàn để trên giá cao. Khi đánh đàn thập lục (có một tổp nhạc hoặc dàn nhạc đệm), tư thế này tôn đàn thập lục lên. Chiều cao của giá đàn cần vừa tầm mà hai tay gảy và nắn nốt dây được thoải mái.

Tư thế thứ tư - Ngồi đánh, đàn để trên giá vừa. Dùng tư thế này khi đàn thập lục hòa chung trong dàn nhạc. Chiều cao của giá đàn cần vừa tầm để khi ngồi đánh, hai tay gảy và nắn nốt dây đàn được thoải mái.



Tư thế thứ tư



Tư thế thứ năm

Tư thế thứ năm - Người đánh đàn ngồi trên ghế, đầu đàn to gối trên đùi, đầu bé gối lên một cọc gỗ. Cọc gỗ này chiều cao ngang đùi hoặc thấp hơn một ít, có đế vững vàng. (Có thể chạm trổ cọc gỗ cho đẹp). Tư thế này thường dùng khi đánh trên sân khấu hiện nay.

Hai bàn tay

1. *Bàn tay phải* dùng để gảy đoạn dây phía bên phải của nhận.

Bàn tay trái dùng để nhấn nhá, nắn nốt đoạn dây phía bên trái của nhận.

2. Về các ngón tay:

- *Tay phải* - Chúng ta tập gảy với ba ngón tay phải: ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa.

- *Tay trái* - Để nhấn, vỗ, rung, chúng ta dùng ba ngón của tay trái: ngón trỏ, ngón giữa và ngón áp út (ngón nhẫn). Về cách dùng các ngón tay trái khi nhấn, vỗ, rung, chúng tôi sẽ nói tỉ mỉ ở những phần sau.

Móng đàn

Ngày xưa, các cụ giữ móng tay dài để gảy đàn.

Chúng ta cắt móng tay ngắn và tra móng đàn vào các ngón tay phải để gảy đàn.

1. Móng đàn nếu làm với vẩy đồi mồi thì tốt nhất, vì vẩy đồi mồi rắn và dễ nảy; gảy vào dây đàn bằng thép, tạo nên tiếng kêu vừa gầy gọn, rõ ràng, vừa dịu và trong trẻo, không đành.

Trừ trường hợp cố ý tạo nên âm sắc đành, không nên dùng móng bằng đồng, kẽm, vì các loại này khi gảy vào dây, khuếch thành những tiếng rất đành, cứng.

Không có vẩy đồi mồi, dùng móng làm bằng nhựa rắn chắc cũng được.

2. Mũi móng đàn nếu nhọn, gẩy lên bật thành tiếng đành. Nếu mũi tù, tiếng kêu “bì bì” không rõ ràng. Tốt hơn hết là móng đàn mũi hơi nhọn.

Mũi nhọn



Xấu

Mũi tù



Xấu

Mũi hơi nhọn



Tốt

Móng đàn ngón tay cái

Móng đàn cho hai ngón trỏ, ngón giữa thường làm thẳng. Riêng móng cho ngón tay cái, mũi hơi chệch về phía bên trái; có như thế đánh mới thuận tay, thoải mái.

3. Tra móng đàn vào đầu ngón tay, phải tra cho chặt. Tra chặt gảy dễ lưu loát.

Từ đầu ngón tay tra móng ra đến tận đầu mũi móng không nên dài quá 6 ly.

Nếu vòng móng (bằng đồi mồi hoặc nhựa) rộng hay hẹp hơn so với đầu ngón tay, thì nhúng vào



ước sôi để nắn lại cho vừa.

Cách đặt bàn tay phải lên đàn

1. Ngón tay út chạm lên chỗ mắc dây (không chạm vào các sợi dây). Làm như thế, bàn tay đỡ mỏi, đánh thoải mái.

Các ngón tay đã tra móng, chỗ đứng của móng ngón trỏ, ngón giữa thẳng góc với sợi dây.

Không đặt móng nằm chéch trên sợi dây, vì như thế đánh khó nhanh nhẹn.

Ngón trỏ và ngón giữa đặt đúng chỗ đứng, ngón cái cử đánh theo chiều tự nhiên của nó.



Thẳng góc (tốt)



Chéch (xấu)

2. Muốn tiếng đàn kêu trong trẻo và rõ ràng, nên gảy dây đúng vào điểm cách cầu từ 9 ly đến 1 phân.

PHẦN THỨ HAI

Tập cơ bản

1. Trong phần luyện tập cơ bản, chúng ta sẽ dùng kiểu gam: *đô rê pha xon la (đô)*:

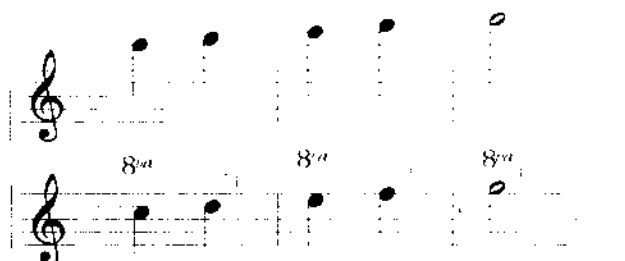
2. Để tiện việc ghi chú trong các bài tập, chúng ta đồng ý với nhau về cách đánh số những ngón tay phải như sau:

Ngón cái đánh số 1.

Ngón trỏ đánh số 2.

Ngón giữa đánh số 3.

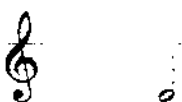
3. Trong những bước tập đầu tiên, để tránh việc ghi ở hàng phụ những nốt quá cao - ghi như thế khó đọc - chúng tôi sẽ ghi ký hiệu *8va* ở trên những nốt nhạc mà chúng ta muốn đánh cao lên một quãng 8. Ví dụ:

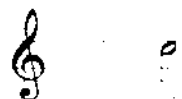


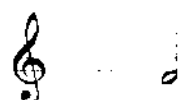
Tập tay phải

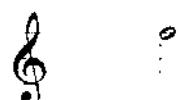
Bài 1 - Tập đi gam. Tập đánh ngón 1 và 2.

Chú dẫn về bài 1: Bài đầu này nhằm giúp cho người học tập đi gam, để biết tên và vị trí của từng dây đàn, đồng thời cho hai ngón tay phải (ngón 1 và 2) tập gảy. Yêu cầu chủ yếu cần nắm khi tập : chú ý nhớ đúng chỗ đặt của từng dây trên cây đàn, thích ứng với từng nốt ghi trong bài tập. Ví dụ:

Nếu ghi  thì đánh đúng “*đô*” dây 1, không thể nhầm lẫn với

 “*đô*” dây thứ 6:

Nếu ghi  thì đánh đúng “*pha*” dây thứ 3, không thể nhầm lẫn với

 “*pha*” dây thứ 8 v.v...

Tránh lối chỉ nhìn cây đàn rồi đánh thuộc lòng, không nhìn nốt, cách học này sẽ dẫn tới việc đánh nhầm lẫn giữa nốt ghi và dây đàn.

Lúc bắt đầu tập, đánh chậm; quen dần có thể đánh nhanh lên.

This musical exercise is written in 2/4 time and consists of four staves. The first staff uses a treble clef and a key signature of one flat (B-flat). It features a sequence of eighth notes, with the first nine notes marked with a '2' below them, indicating the use of the index finger. The tenth note is marked with a '1', indicating the use of the thumb. The second staff continues the sequence with ten eighth notes, all marked with a '2'. The third staff continues with ten eighth notes, all marked with a '1'. The fourth staff continues with ten eighth notes, all marked with a '1'. The exercise concludes with a double bar line.

Bài 2 - Tập đánh ngón 1, 2. Tập đi gam. Bài tập tiết tấu nhất hơn.

This musical exercise is written in 2/4 time and consists of four staves. The first staff uses a treble clef and a key signature of one flat (B-flat). It features a sequence of eighth notes, with the first nine notes marked with a '2' below them, indicating the use of the index finger. The tenth note is marked with a '1', indicating the use of the thumb. The second staff continues the sequence with ten eighth notes, all marked with a '2'. The third staff continues with ten eighth notes, all marked with a '1'. The fourth staff continues with ten eighth notes, all marked with a '1'. The exercise concludes with a double bar line.

Bài 3 - Tập đánh ngón 1, 2. Tập đi gam. Bài tập tiết tấu nhất hơn nữa.

2 2 2 2 2 1 1 1 1 1

1 1 1 1 2 2 2 2 2 2 2 2 8^{va}

1 1 1 1 1 1 1 1 1 2 2 2 2 2

2 2 2 2 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1

2 2 2 2

Trong bài này, đoạn sau cùng không ghi số ngón tay phải, đoạn này lặp lại đoạn trên.

Bài 4 - Tập đánh ngón 1, 2; đi những nốt liền bậc.

2 2 2 2 2 1 1 1 1 2 2

2 2 2 2 2 1 1 1 1 2 2 2 2 2

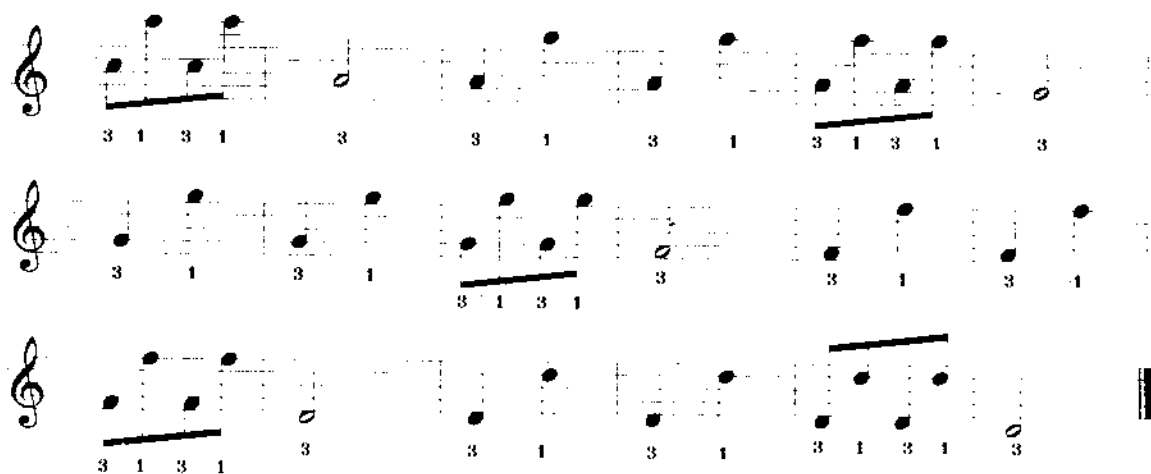


Bài 6 - Tập đánh ngón 1, 3; mỗi ngón ở thể cơ bản.

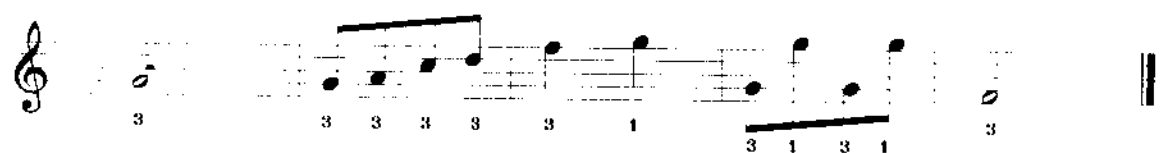
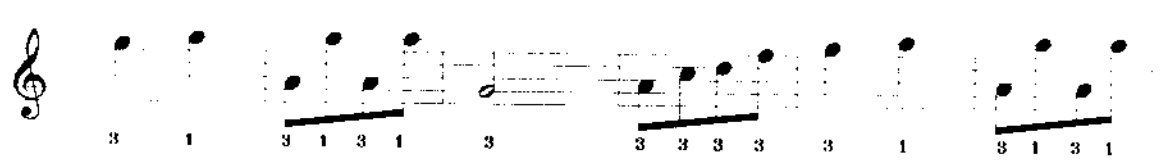
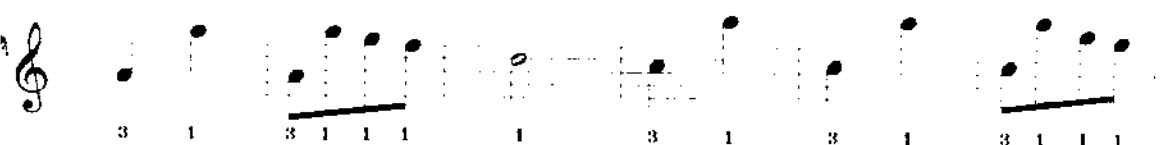
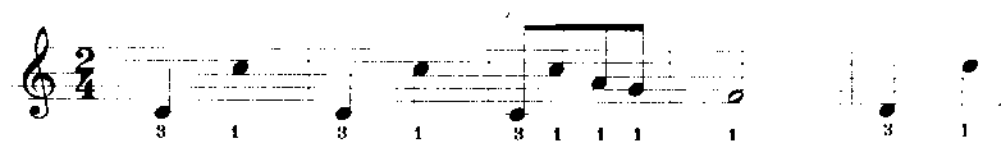
8 staves of musical notation in 2/4 time, showing exercises for fingers 1 and 3. Fingerings are indicated by numbers 1 and 3 below the notes.

Bài 7 - Tập đánh ngón 1, 3; tiết tấu nhanh hơn, đi những nốt cách bậc.

3 staves of musical notation in 2/4 time, showing exercises for fingers 1 and 3 with faster rhythms and intervals of one step. Fingerings are indicated by numbers 1 and 3 below the notes.



Bài 8 - Tập đánh ngón 1, 3; vừa đánh ở thể cơ bản, vừa đánh những nốt liền bậc.



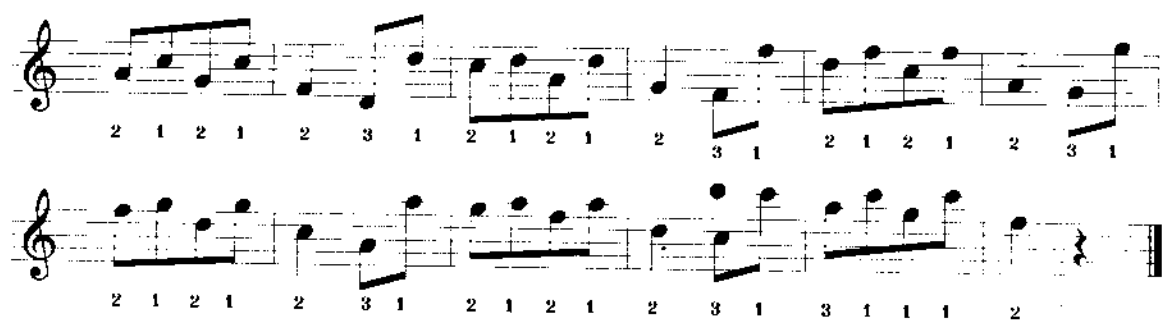
Bài 9 - Tập đánh phối hợp ba ngón 1, 2, 3.

Chú ý: Khi ba ngón 1, 2, 3 đánh phối hợp, ngón 1 và 3 được phân công hai nốt cùng tên (ví dụ: *đô - đô*) cách nhau một quãng 8, còn ngón 2 thì đánh tất cả những nốt nằm trong quãng 8 ấy (ví dụ: *rê, pha, xon, la*).

The exercise consists of five staves of music in 2/4 time. Each staff contains a sequence of notes with fingerings 1, 2, and 3 indicated below them. The exercise is designed to practice the coordination of three fingers (1, 2, 3) in a specific rhythmic pattern.

Bài 10 - Tập đánh phối hợp ba ngón 1, 2, 3.

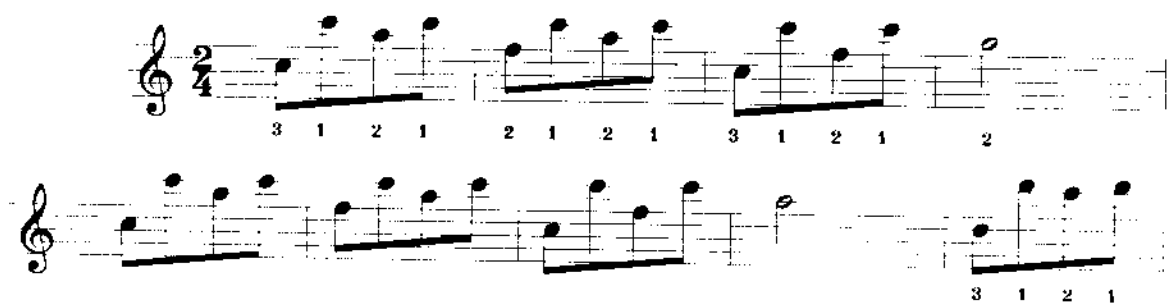
The exercise consists of four staves of music in 2/4 time. Each staff contains a sequence of notes with fingerings 1, 2, and 3 indicated below them. The exercise is designed to practice the coordination of three fingers (1, 2, 3) in a specific rhythmic pattern.

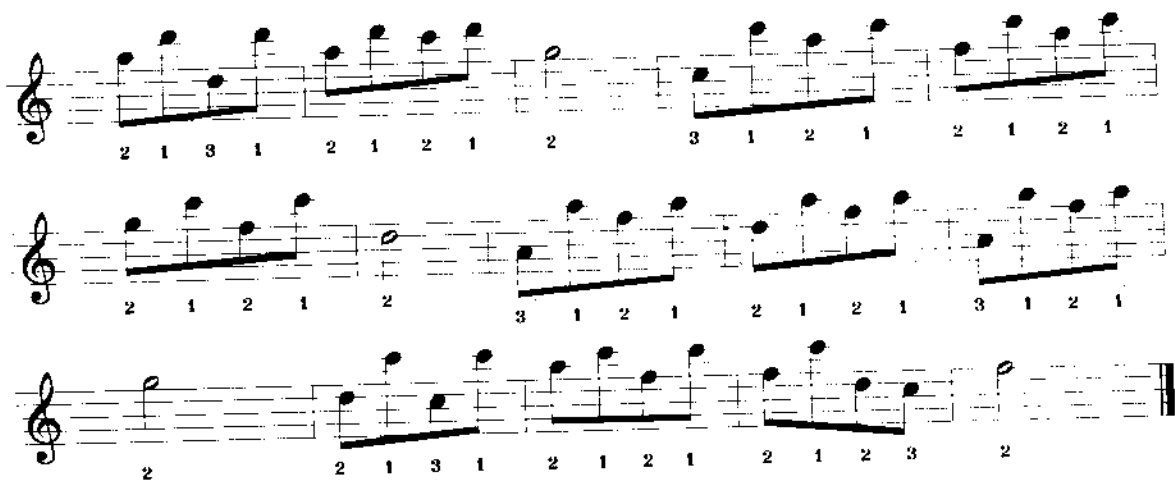


Bài 11 - Tập đánh phối hợp ba ngón 1, 2, 3.



Bài 12 - Tập đánh phối hợp ba ngón 1, 2, 3.





Tập tay trái

Từ trước đến đây, chúng ta tập với bàn tay phải. Bây giờ, chúng ta bắt đầu tập với bàn tay trái, đồng thời vẫn tiếp tục tập với bàn tay phải.

Những ngón của bàn tay phải gảy vào dây, làm dây bật lên thành tiếng, còn những ngón của bàn tay trái nắn nốt trên dây, làm cho những tiếng đàn ấy có màu sắc mong muốn. Màu sắc kết tinh trong ngón kỹ thuật. Phần lớn những ngón kỹ thuật của đàn thập lục như: *ngón vỗ*, *ngón nhấn*, *ngón rung* (mà chúng ta sẽ học trong những phần sau) đều phải dùng tay trái để chơi.

Muốn nắn nốt dây nào, tay trái phải bắt đúng vào dây ấy, mà muốn bắt đúng vào dây, ta phải tập dần dần.

Tập tay trái, trước hết là tập cho các ngón tay trái bắt đúng sợi dây mà mình muốn bắt.

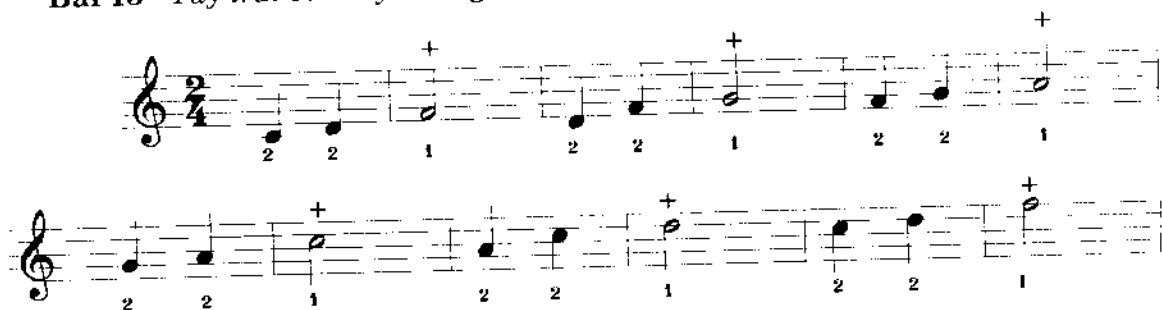
Bắt dây là bắt đoạn dây ở phía bên trái của nhận (đoạn bên phải của nhận là để gảy).

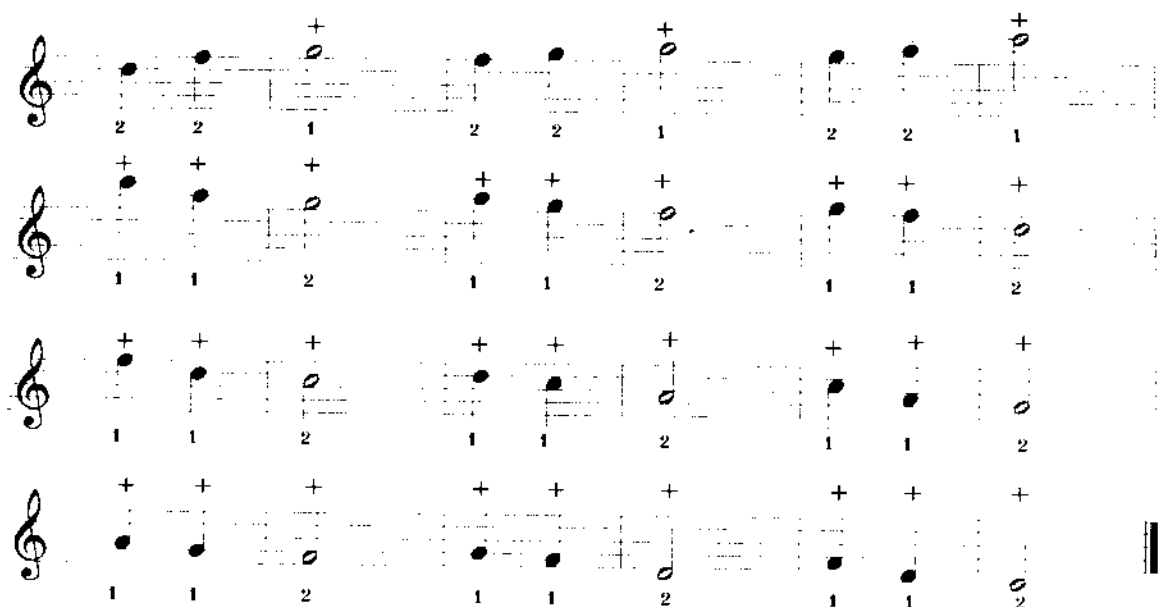
Để bắt dây, ta dùng cùng một lúc ba ngón: ngón trỏ, ngón giữa, ngón nhẫn (của tay trái). Cũng có thể chỉ dùng một hoặc hai ngón để bắt. Nếu dùng một ngón thì dùng ngón trỏ, khi dùng hai ngón cùng một lúc thì dùng ngón trỏ và ngón giữa.

Ta để các đầu ngón tay chạm vào dây nào cần bắt.

Không nên bắt dây ở sát bên nhận. Trên hướng từ con nhận về phía trục, chỗ bắt dây phải ở gần giữa.

Bài 13 - Tay trái bắt dây những nốt liên bậc.

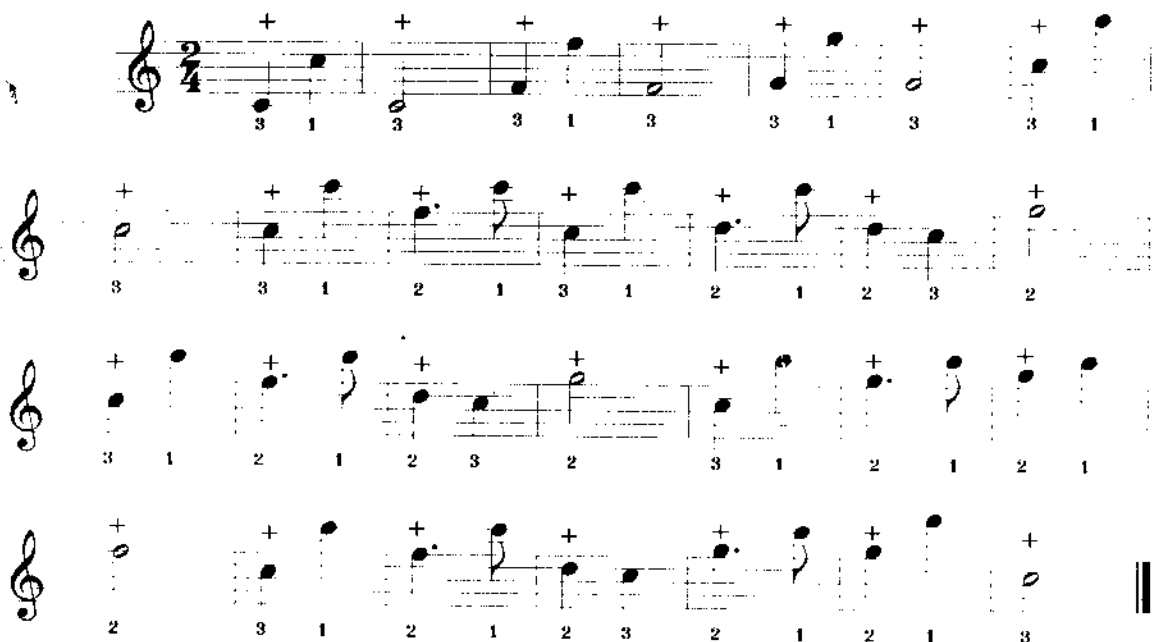




Chú dẫn:

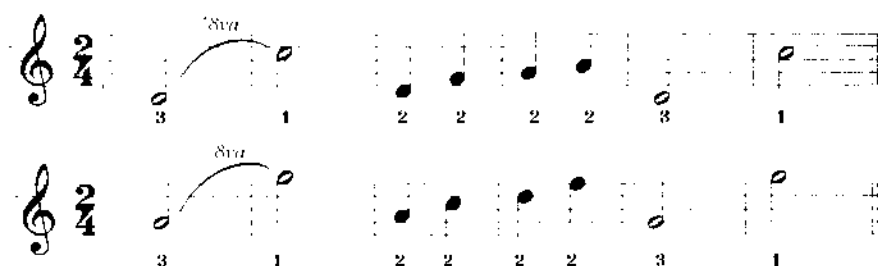
- Tay trái bắt dây ở những nốt có dấu +.
- Để tập có kết quả, không gặp nhiều khó khăn, nên theo cách sau: Trước hết, tập đánh bản nhạc với tay phải; sau khi tay phải đánh khá thạo mới bắt đầu tập bắt dây với tay trái. Bước đầu, tay phải gảy trước, tay trái bắt dây sau khi tay phải gảy; dần dần tay trái quen bắt dây, tay phải vừa gảy, tay trái vừa bắt dây cùng một lúc.

Bài 14 - Tay trái bắt dây những nốt cách bậc.



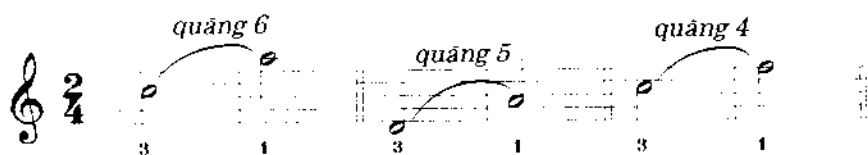
Phối hợp thoải mái các ngón của tay phải

Ở phần trước, chúng ta dùng các ngón của tay phải theo một sự phân công có tính chất “máy móc” là: ngón 1 và 3 gảy hai nốt cách nhau một quãng 8, còn ngón 2 gảy những nốt nằm giữa hai nốt cách nhau một quãng 8 đó. Nói rõ hơn nữa, ngón 3 gảy nốt trầm của quãng 8, ngón 1 gảy nốt cao của quãng 8, còn ngón 2 gảy bốn nốt nằm giữa nốt trầm và nốt cao của quãng 8. Ví dụ:

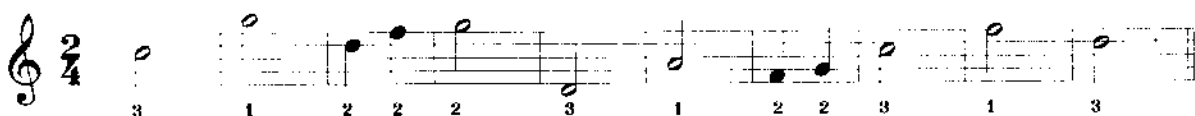


Việc dùng các ngón tay phải theo sự phân công này có tính chất cơ bản. Ta cần nắm chắc lấy để dùng mãi về sau. Tuy nhiên, nếu chỉ có thế thì chưa đủ để đánh trôi chảy một bản nhạc. Các ngón của tay phải cần được dùng linh động, thoải mái hơn nữa, theo các cách sau đây:

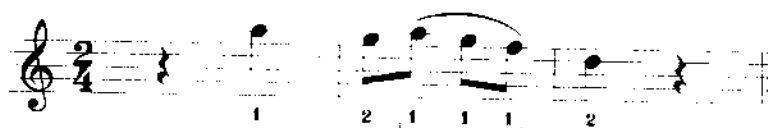
1. Ngón 1 và ngón 3 gảy hai nốt cách nhau một quãng 7, cách nhau một quãng 6, cách nhau một quãng 5, cách nhau một quãng 4, cách nhau một quãng 3. Ví dụ:



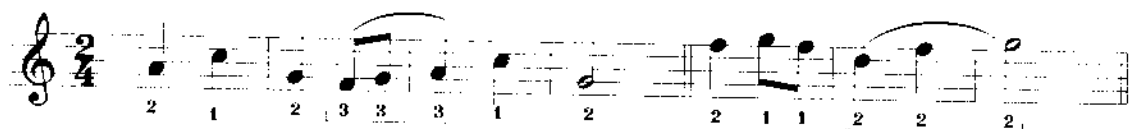
Trong trường hợp ngón 1 và ngón 3 gảy hai nốt của quãng 7, của quãng 6, của quãng 5, của quãng 4, của quãng 3...thì ngón 2 gảy những nốt trầm giữa hai nốt của quãng 7, quãng 6, quãng 5, quãng 4, quãng 3. Ví dụ:



2. Gặp trường hợp nét nhạc đi xuống liên bậc (theo hệ thống gam của đàn thập lục), ta dùng một ngón 1 để gảy luôn các nốt đi liên bậc đó. Ví dụ:



3. Gặp nét nhạc đi lên liên bậc, ta có thể dùng một ngón 3 hoặc một ngón 2 để gảy luôn các nốt đi liên bậc đó. Ví dụ:



Bài 15 - Phối hợp thoải mái các ngón tay của tay phải: ngón 1 và 3 đánh quãng 6. Tay trái bắt dây (ở những nốt có dấu +).

Bài 16 - Phối hợp thoải mái các ngón của tay phải: ngón 1 và 3 đánh quãng 5. Tay trái bắt dây.

3 1 2 1 2 1 3 3 1 2 1 2 1 2 3 1

2 1 2 1 2 3 1 2 1 2 1 2 3 1 2 1 2 1

2 3 1 2 1 2 3 1 3 1 3 1 2 2 1 3 1 2 1 2 2

1 2 1 3 1 2 1 2 3 1 2 1 2 1 2

Bài 17 - Phối hợp thoải mái các ngón của tay phải: ngón 1 và 3 đánh quãng 4, quãng 3. Tay trái bắt dây.

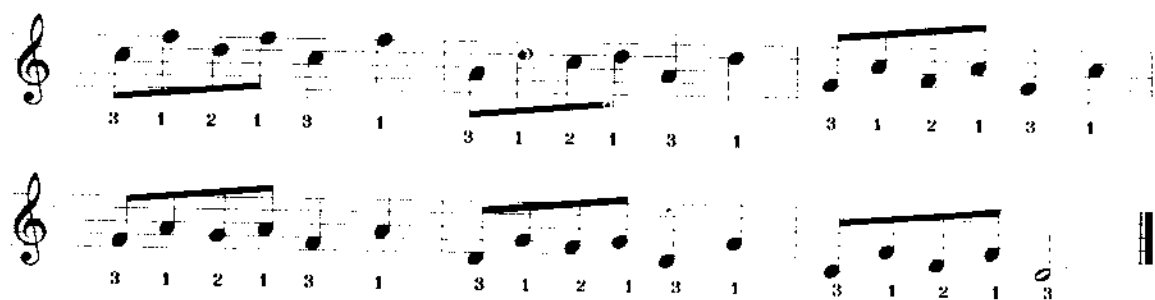
3 3 3 3 3 3

3 1 2 1 3 3 1 2 1 3 3 1 2 1 3

3 1 2 1 3 3 1 2 1 3 3 1 2 1 3 3 1 2 1 3

3 1 2 1 3 3 1 2 1 3 1 3 1 2 1 3 1

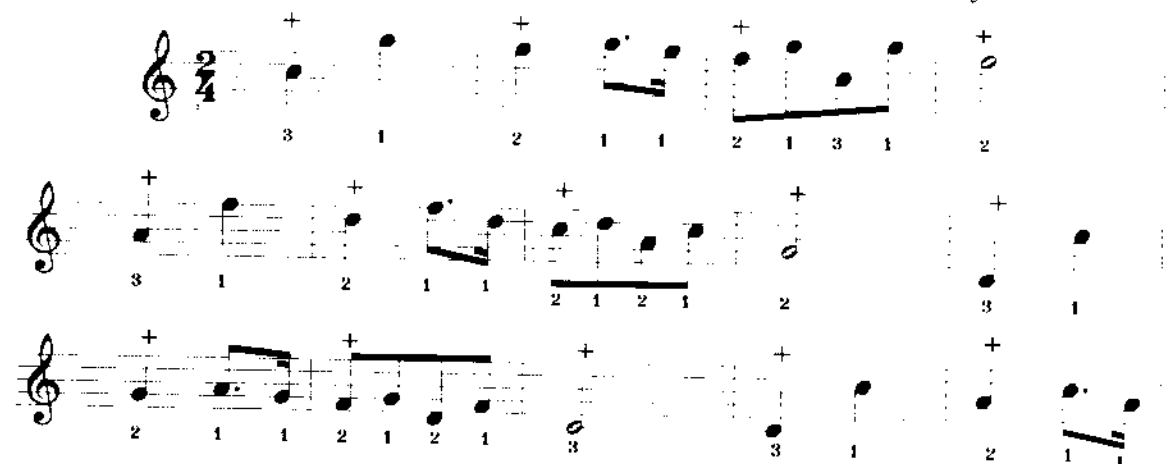
3 1 2 1 3 1 3 1 2 1 3 1 3 1 2 1 3 1



Bài 18 - Phối hợp thoải mái các ngón của tay phải. Tay trái bắt dây.



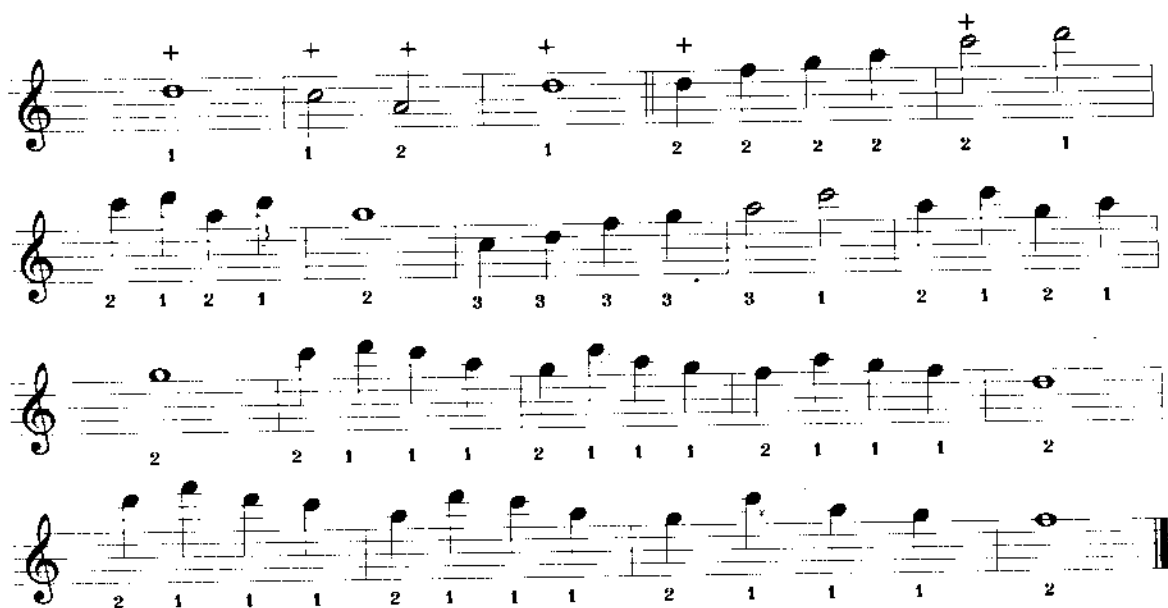
Bài 19 - Phối hợp thoải mái các ngón của tay phải. Tay trái bắt dây.



2 1 3 1 2 3 1 2 1 3 1 1 2 1 2 1
 3 3 1 2 1 3 1 1 2 1 2 1
 2 1 3 1 2 1 2 1 3 1 2 1 2 1 1
 2 1 3 1 2 1 2 1 2 1 2 3 2

Bài 20 - Phối hợp thoải mái các ngón của tay phải. Tay trái bắt dây.

2 1 2 1 2 1 2 1 2 3 2
 2 1 2 1 2 3 2
 2 3 2 3 2 3
 2 3 2 3 1 1 2 1
 1 2 1 3 1 3 1 3 1 3



PHẦN THỨ BA

Các ngón kỹ thuật

Trong phần luyện tập kỹ thuật này, chúng ta vẫn dùng kiểu gam: *đô rê pha xon la*.

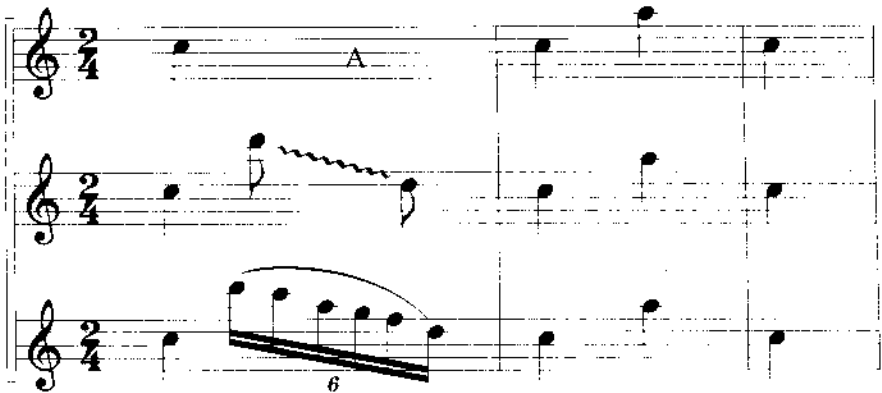
Ngón á

Ngón á kiểu xưa: Ngón á là một ngón kỹ thuật đặc biệt của đàn thập lục, là một kiểu chạy những nốt liên bậc của gam, chạy từ bậc cao xuống bậc thấp. Ví dụ (a):

Ký hiệu ngón á
theo lối xưa

Ký hiệu ngón á
theo lối mới

Diễn tấu của
ngón á



1. Theo lối xưa, cách ký hiệu của ngón á là một chữ Á (bản nhạc ký hiệu bằng hò, xừ, xang, xê, cồng).

Vì chỉ ghi bằng một chữ Á, cho nên nốt đầu và nốt cuối của ngón á không qui định rõ ràng. Hai nốt này do từng người chơi qui định tùy ý muốn.

Để được rõ ràng, trong tập sách này, chúng tôi ghi ngón á bằng ký hiệu và nhân đó, tất nhiên nốt đầu và nốt cuối của ngón á cũng sẽ được quy định cụ thể.

2. Mỗi một ngón á có một thời gian nhất định của nó. Trong ví dụ trên, thời gian của ngón á là một nốt đen.

Có thể có ngón á mà thời gian chỉ là một móc đơn. Ví dụ (b):



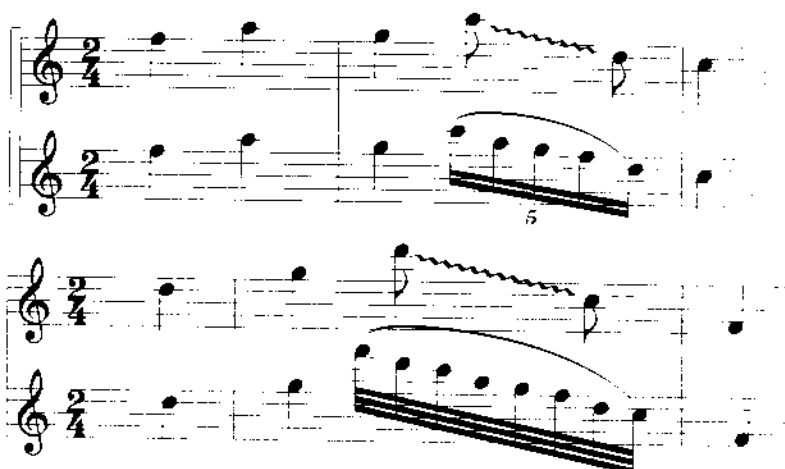
Căn cứ vào hai ví dụ về ngón á vừa nêu, chúng ta thấy mỗi ngón á gồm có nhiều âm hợp thành. Và tất cả các âm hợp thành ngón á đều có thời gian bằng nhau.

Ví dụ (a) có sáu nốt, mỗi nốt bằng $1/6$ nốt đen.

Ví dụ (b), mỗi nốt bằng $1/6$ móc đơn.

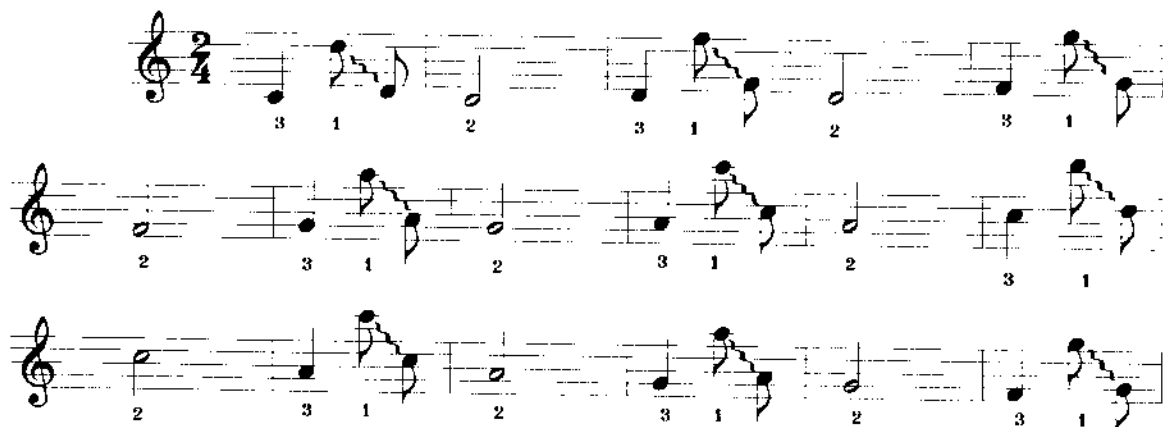
Cần nắm rõ “tất cả các âm hợp thành ngón á đều bằng nhau”, để tránh tình trạng đầu ngón á đánh nhanh, cuối ngón á đánh chậm, hoặc ngược lại. Đánh ngón á phải đều tay.

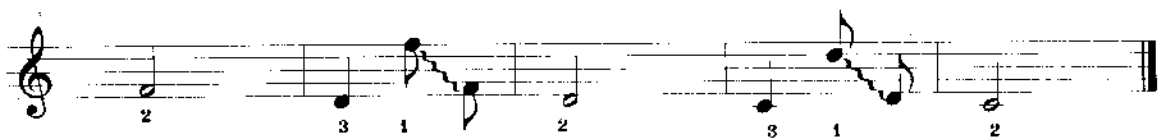
Tuy nhiên, ngón á không phải lúc nào cũng chạy một nét nhạc gồm sáu âm. Có khi ngón á chạy một nét gồm năm âm (mà thông thường, muốn thành ngón á thì nét nhạc phải chạy qua ít nhất năm âm), có khi chạy bảy âm, tám âm... Trong những trường hợp này, mỗi một âm hợp thành ngón á có thời gian bằng $1/5$, $1/7$, $1/8$ của ngón á. Ví dụ:



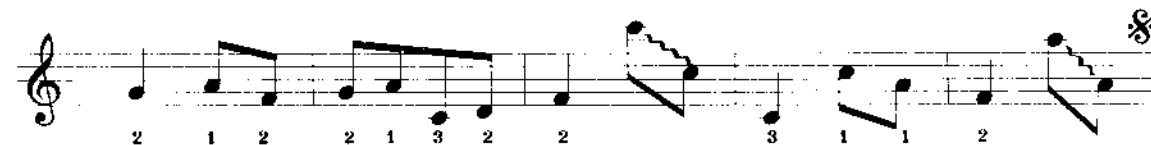
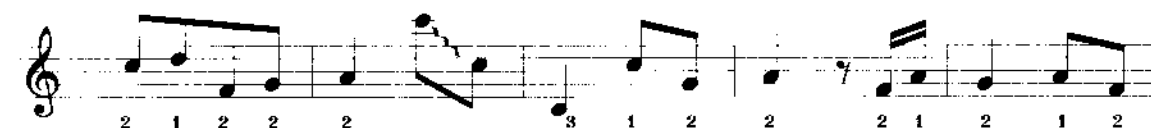
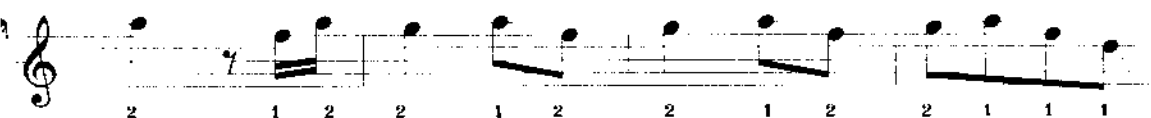
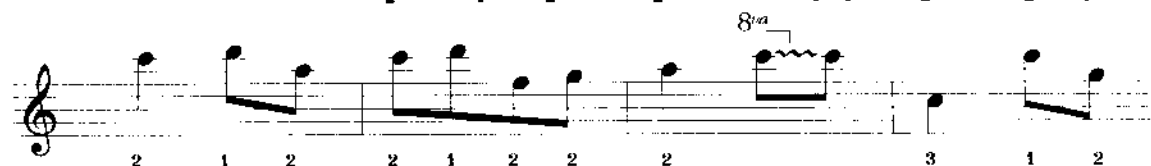
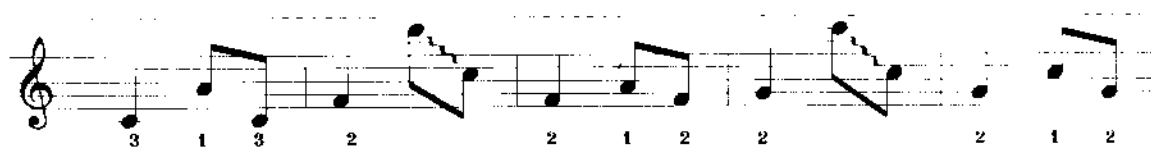
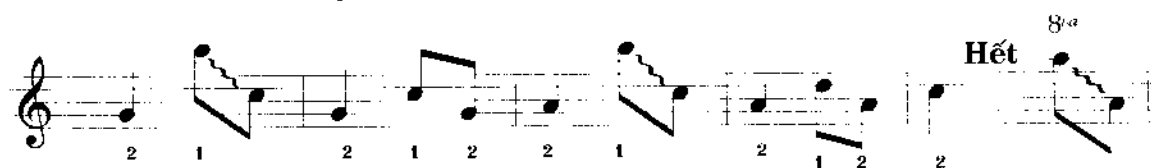
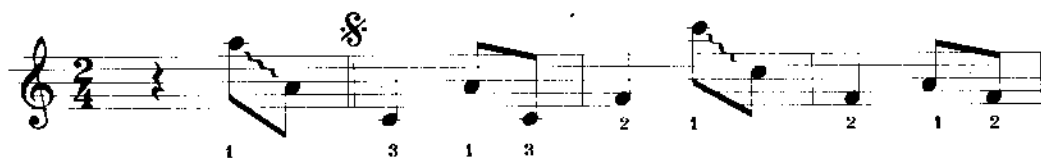
3. Để đánh ngón á kiểu xưa, ta dùng ngón 1 của tay phải.

Bài 21 - Tập đánh ngón á (kiểu xưa), ngón á bước sang một nốt liền bậc.





Bài 22 - Tập đánh ngón á (kiểu xưa), ngón á bước sang một nốt cách bậc.



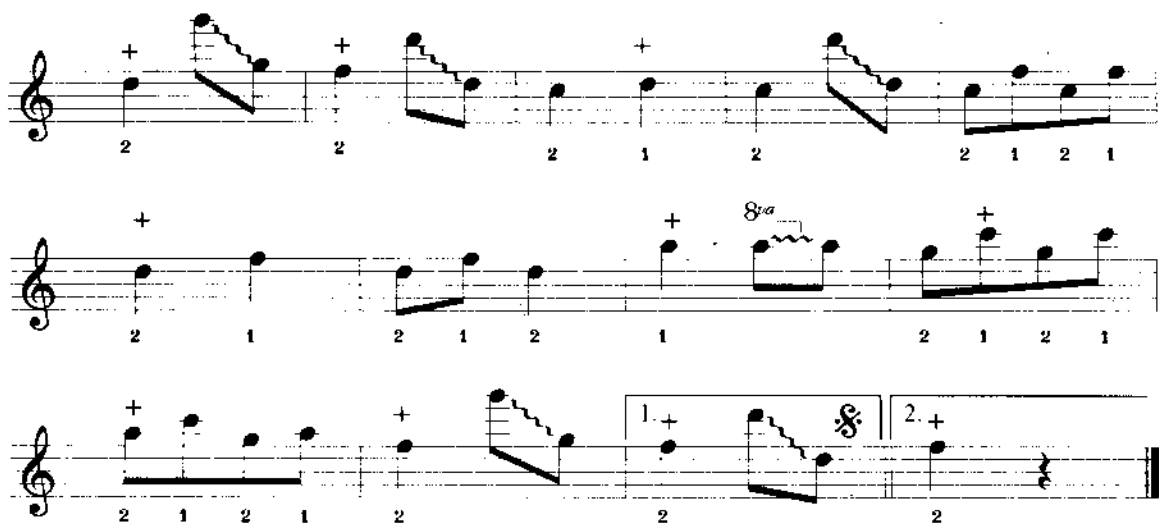
Bài 23 - Bài tập về ngón á (kiểu xưa) có tính chất giải trí. Tay trái bắt dây những chỗ có dấu +.

Nhanh vừa

Bài 24 - Bài tập về ngón á (kiểu xưa) có tính chất giải trí. Tay trái bắt dây.

Xuân phong

Nhanh vừa



oOo

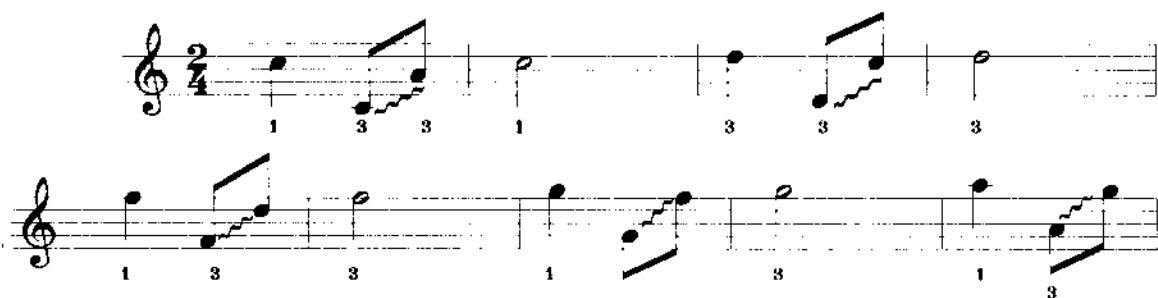
Ngón á kiểu mới: Hiện nay, trong những bản nhạc phối khí cho dàn nhạc dân tộc, đàn thập lục có đánh những nét chạy nốt liên bậc của gam, từ bậc thấp lên bậc cao. Ví dụ:

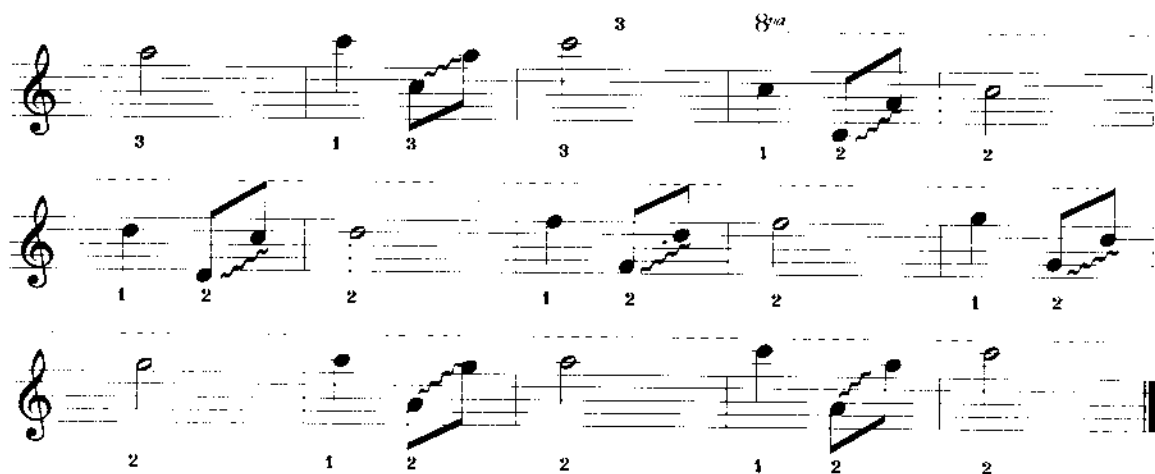


Chúng tôi gọi kiểu chạy dài này là ngón á kiểu mới, vì xét về các mặt kiểu chạy này cũng giống kiểu xưa, chỉ có một điểm khác là kiểu xưa thì chạy từ bậc cao xuống bậc thấp, còn kiểu mới này thì từ bậc thấp lên bậc cao của gam.

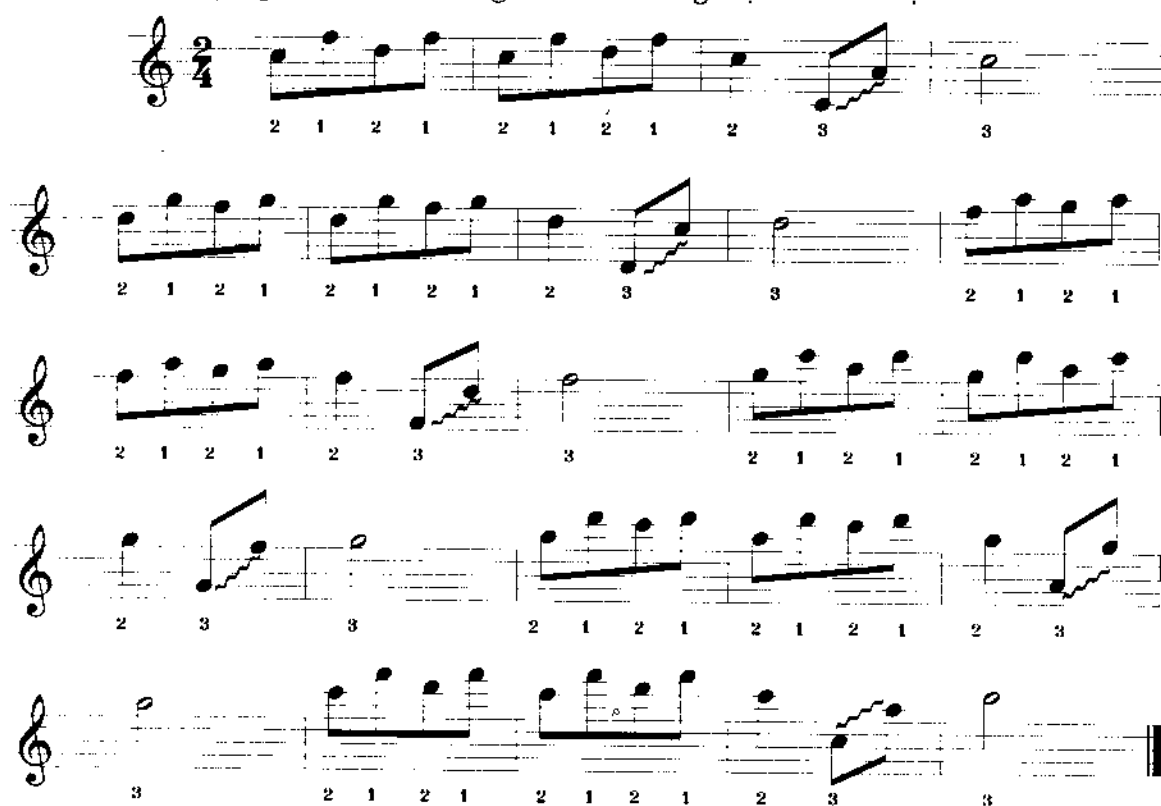
Để đánh ngón á kiểu mới, ta dùng ngón 2 hoặc ngón 3 của tay phải.

Bài 25 - Tập ngón á kiểu mới: tập cơ bản, tập đánh với ngón 3 và ngón 2 của tay phải.

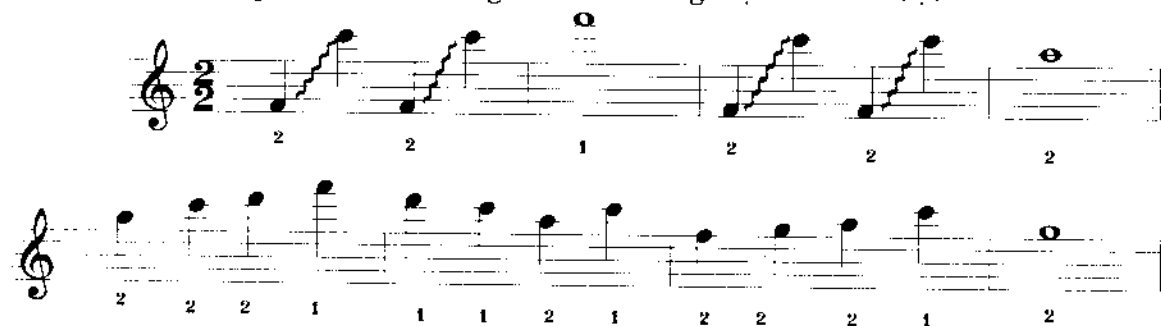


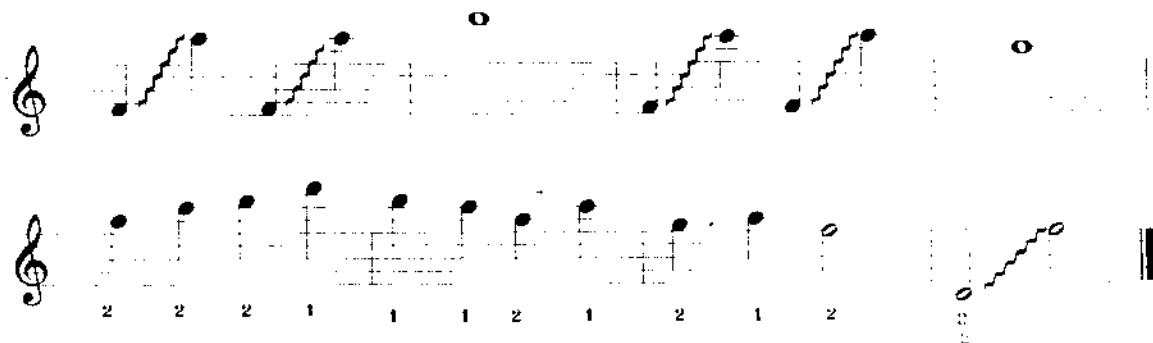


Bài 26 - Tập ngón á kiểu mới: ngón á bước sang một nốt liền bậc.



Bài 27 - Tập ngón á kiểu mới: ngón á bước sang một nốt cách bậc.





Bài 28 - Bài tập về ngón á kiểu mới, có tính chất giải trí.

Những bông hoa mùa xuân

(Trích đoạn)

Nhạc: NGUYỄN VĂN THƯƠNG

Phối cho thập lục : VĂN LUYỆN

Vừa phải

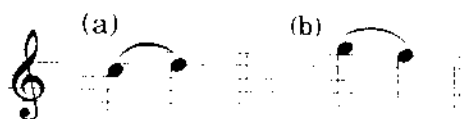


Ngón nhấn

1. Vì đàn thập lục lên dây với gam năm âm, cho nên thiếu một số nốt cần thiết. Ví dụ: *gam đô rê pha xon la* thiếu mi, xi. Muốn có mi, ta mượn rê, nhấn rê lên cao thành mi.

Đôi khi âm cần thiết đã có sẵn ở gam, nhưng vì muốn nghe cho được uyển chuyển dịu dàng, người chơi lại không đánh âm sẵn có, mà nhấn với dụng ý một âm thấp lên cao bằng âm sẵn có đó. Ví dụ: *gam đô rê pha xon la* đã sẵn có âm xon, nhưng người chơi vì muốn có một âm xon nhấn dịu dàng, uyển chuyển, lại mượn âm pha (âm thấp) nhấn lên cao thành âm xon (đã sẵn có).

Còn hai trường hợp nữa phải dùng ngón nhấn, trường hợp một âm thấp luyến sang một âm cao, hoặc một âm cao luyến sang một âm thấp. Ví dụ:



Vì có dấu luyến, trong ví dụ (a) âm đô phải dính liền với âm rê. Muốn tạo hiệu quả “dính liền” giữa hai âm đô - rê, trong đàn thập lục phải nhấn đô lên thành rê.

2. Âm nhấn là âm có được do âm mượn một âm thấp, nhấn âm thấp ấy lên thành âm cao.

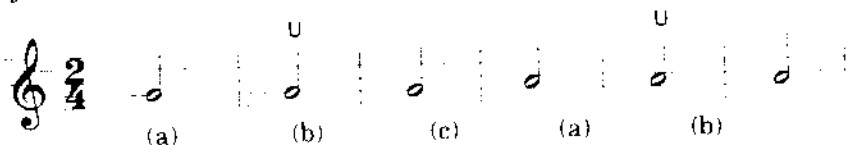
Từ một âm, có thể nhấn cao lên nửa âm, một âm, một âm rưỡi, có khi đặc biệt còn hơn nữa.

3. Muốn chơi ngón nhấn, ta dùng đầu của một, của hai, hoặc của ba ngón tay trái ấn lên trên đoạn dây bên phía trái của nhận, ấn lên đến độ cao mong muốn. Nếu dùng

một ngón để nhấn thì dùng ngón trỏ, nếu ba ngón thì ngón trỏ, ngón giữa và ngón nhẫn.

4. Không nên nhấn ở sát bên nhận. Trên chiều hướng đi từ con nhận về phía trục, chỗ các đầu ngón tay ấn lên dây phải ở gần giữa.

5. Trong bài tập, để chỉ cho biết âm nào là âm nhấn, chúng tôi ghi dấu U trên những nốt ấy. Ví dụ:

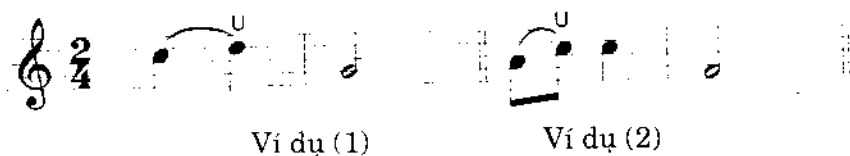


Để chơi âm nhấn, ta dùng đầu ngón tay trái đặt lên dây của âm thấp liền bậc so với âm nhấn ấy. Trong ví dụ vừa nêu, son (b) và la (b) là âm nhấn. Muốn có son nhấn, đầu ngón tay trái phải đặt lên dây của âm pha (âm thấp liền bậc so với âm son), rồi từ đấy nhấn lên thành son. Muốn có la nhấn, phải nhấn lên dây của âm son...

Còn hai âm son (a), son (c), tuy độ cao cũng là son, nhưng vì không có ghi dấu U ở trên, cho nên khi diễn tấu hai nốt son đó, ta chỉ gảy vào chính dây son đã sẵn có.

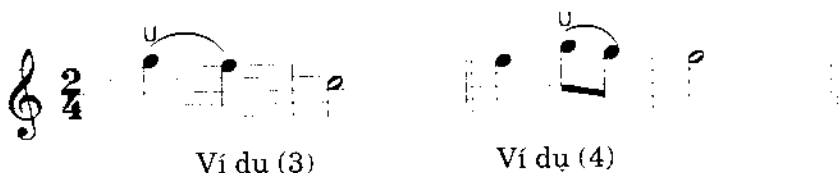
Muốn nhấn một âm lên nửa âm, ngón tay trái ấn lên chính dây của âm đó. Ví dụ muốn có son thăng, đầu ngón tay trái ấn lên dây son.

6. Âm không nhấn luyện sang một âm nhấn (một âm thấp luyện sang một âm cao).



Để chơi một âm không nhấn luyện sang một âm nhấn, ví dụ (1) và (2), trước hết ngón tay phải gảy vào dây của âm không nhấn (âm thấp) để cho tiếng của nó vang hết độ dài, rồi liền sau đó đầu ngón tay trái ấn lên dây của âm vừa gảy, nâng tiếng vang lên đến độ cao của âm nhấn. Trong ví dụ (1), ngón tay phải đầu tiên gảy vào dây đô, để cho tiếng đô vang trong thời gian một nốt đen, rồi liền sau đó đầu ngón tay trái ấn lên dây đô, nâng tiếng vang đô lên đến rê. Trong ví dụ (2), ngón tay phải gảy vào dây la, để cho tiếng la vang trong thời gian là một móc đơn, rồi liền sau đó đầu ngón tay trái ấn dây la, nâng tiếng vang la lên đến đô.

7. Âm nhấn luyện sang một âm không nhấn (một âm cao luyện sang một âm thấp).



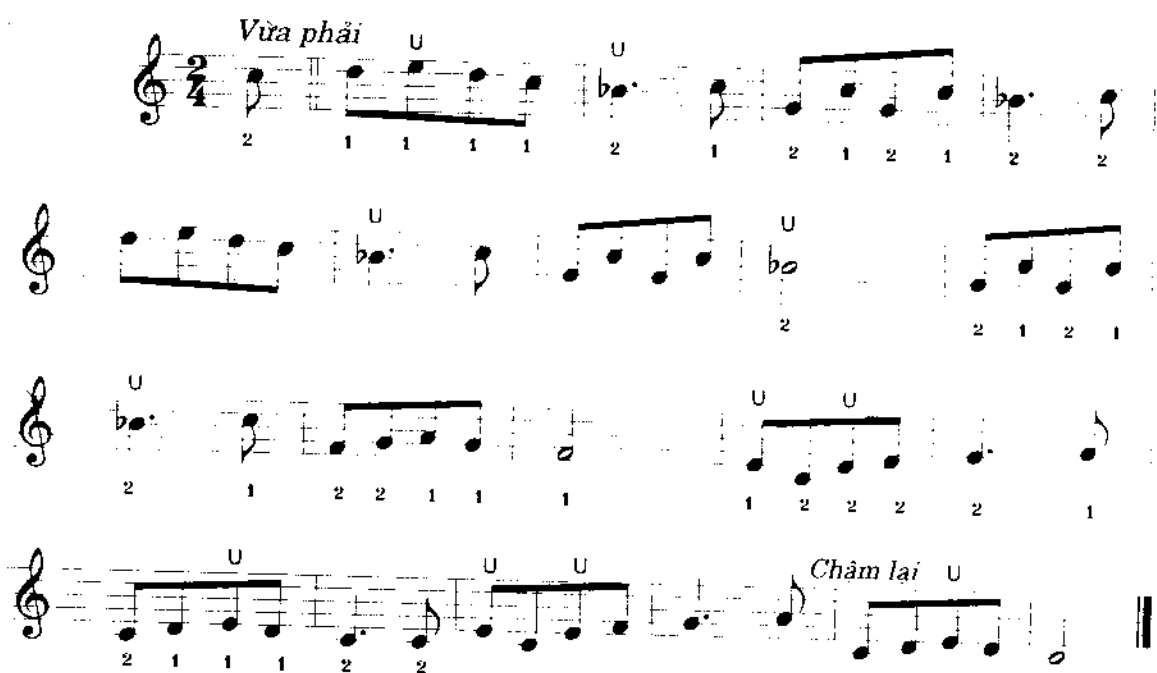
Để chơi một âm nhấn luyện sang một âm không nhấn, trước hết cùng một lúc đầu ngón tay trái ấn lên dây của âm không nhấn, còn ngón tay phải thì gảy vào dây mà

U U U

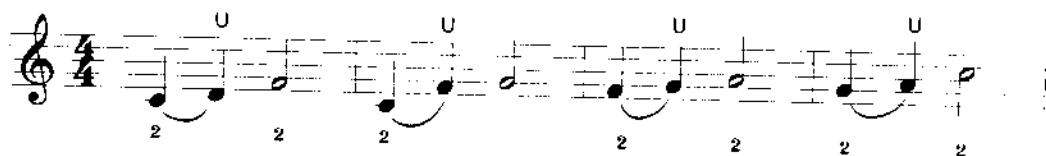


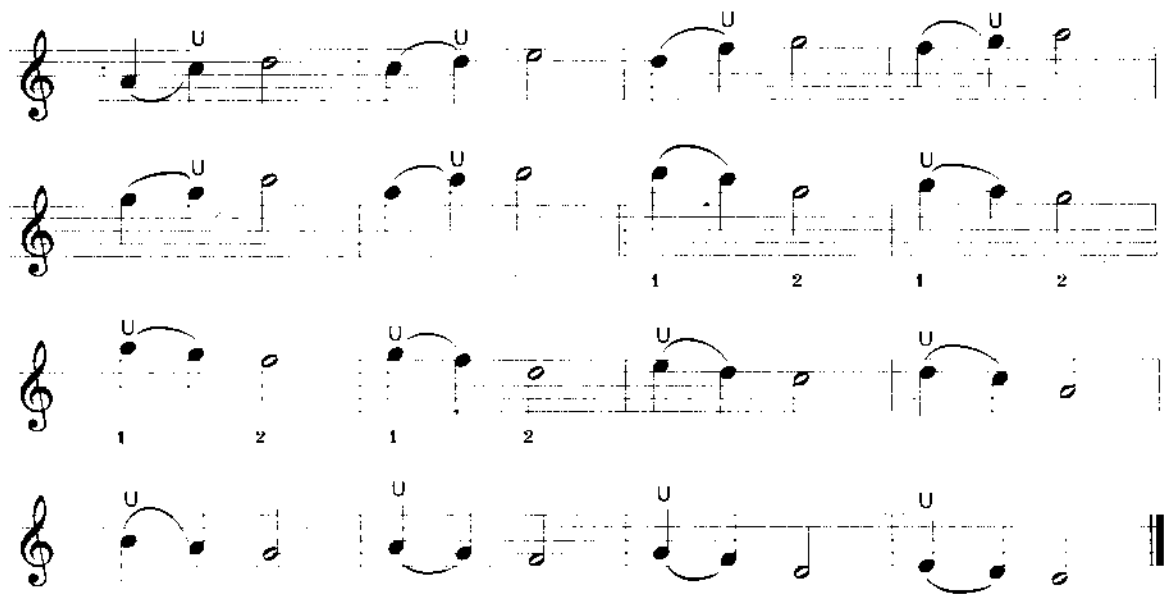


Bài 31 - Bài tập về ngón nhấn, có tính chất giải trí.



Bài 32 - Bài tập về âm không nhấn luyện sang một âm nhấn, âm nhấn luyện sang một âm không nhấn.





Bài 33 - Bài tập về ngón nhấn, có tính chất giải trí.

Son sắt một lòng

Nhạc : ĐẮC NHÃN

Phối cho thập lục : VĂN LUYỆN

Vừa phải

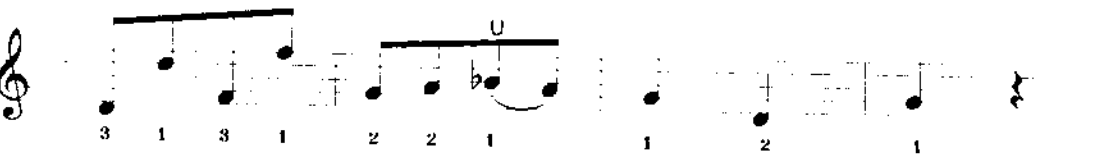
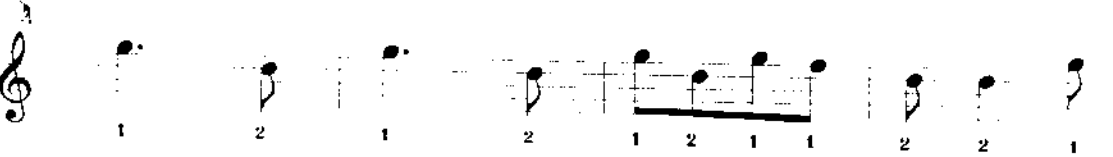
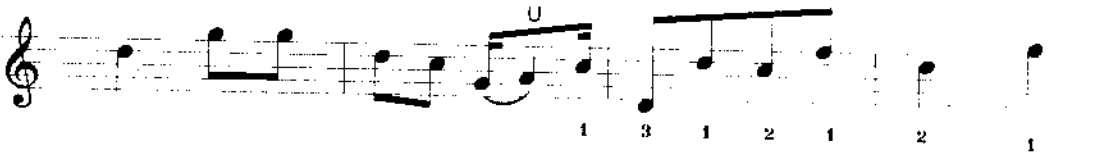
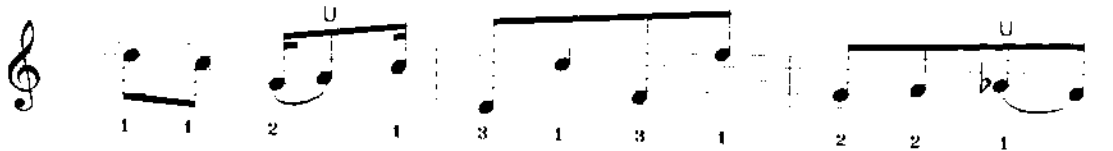
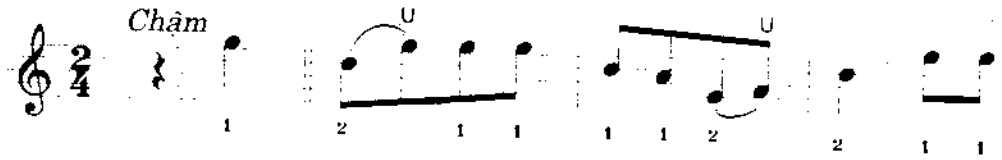


Bài 34 - Bài tập về ngón nhấn, có tính chất giải trí.

Xe chỉ luôn kim

(Quan họ Bắc Ninh)

Phối cho thập lục : VĂN LUYỀN



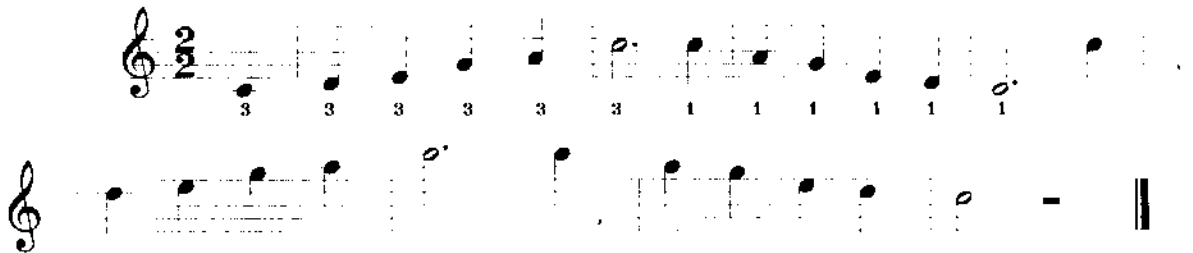
Gam: Đô rê mi pha xon la đô

Trong các phần trước, chúng ta tập cơ bản và ngón kỹ thuật với gam *đô rê pha xon la (đô)*.

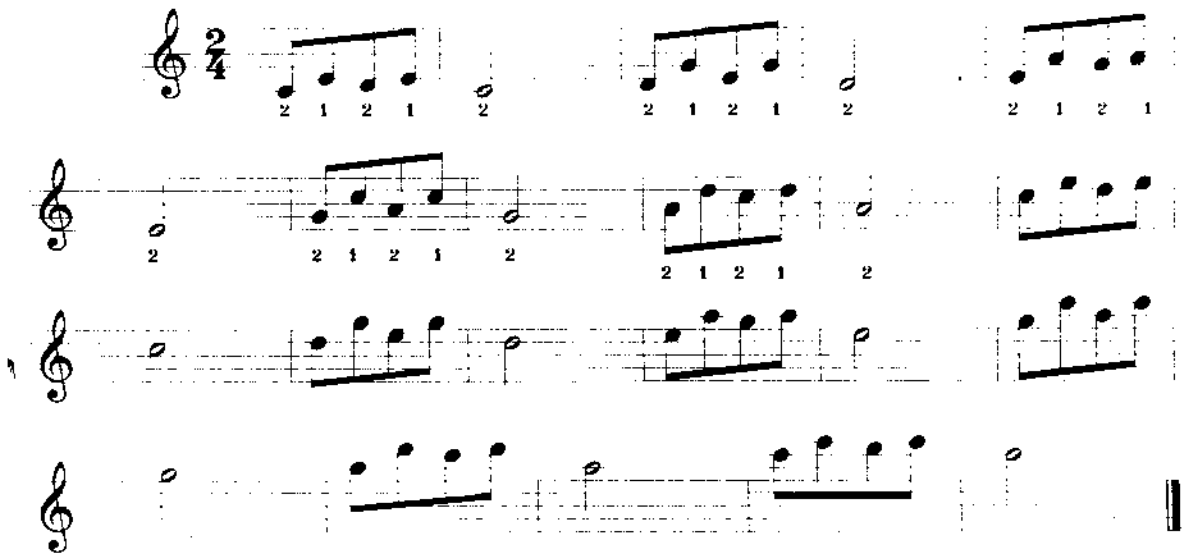
Bây giờ, chúng ta tập với gam *đô rê mi pha xon la (đô)*, một gam cũng hay dùng trong đàn thập lục.

Muốn so dây thành gam *đô rê mi xon la (đô)*, chúng ta chỉ cần chuyển con nhạn dưới nốt pha dịch về phía bên trái một ít.

Bài 35 - Tập đi gam *đô rê mi pha xon la (đô)*.



Bài 36 - Luyện ngón với gam mới.



Bài 37 - Một bản nhạc ngắn với gam mới.





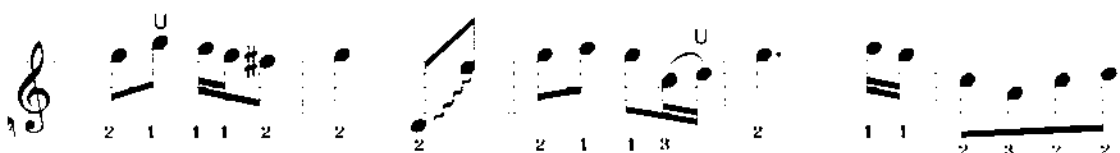
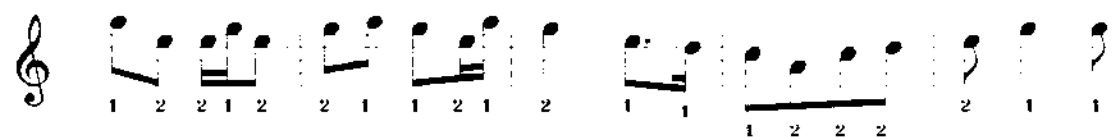
Bài 38 - Một bài tập giải trí với gam đô rê mi xon la (đô).

Anh về miền Bắc

Nhạc : ĐẮC NHÂN

Phối cho thập lục : VĂN LUYỀN

Vừa phải



Ngón song long

Ở Nam bộ, gọi song long là song thỉnh.

1. Ngón song long là một kiểu đánh cùng một lúc hai nốt của một quãng 8. Vì đánh cùng một lúc, cho nên hai tiếng của song long cùng phát ra một lúc: ở thể cơ bản, ngón song long là cùng phát. Ví dụ:

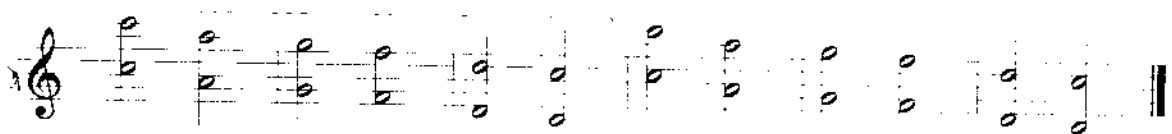
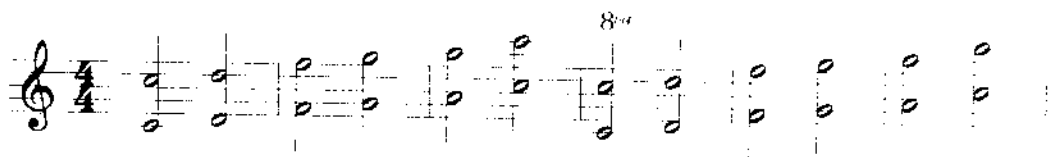


2. Tuy nhiên, hai nốt của ngón song long cũng có thể đánh rải ra, đó là song long phát nối tiếp. Song long phát nối tiếp thông thường hay chạy liên tiếp qua hai, ba, bốn quãng 8 khác nhau. Ví dụ:

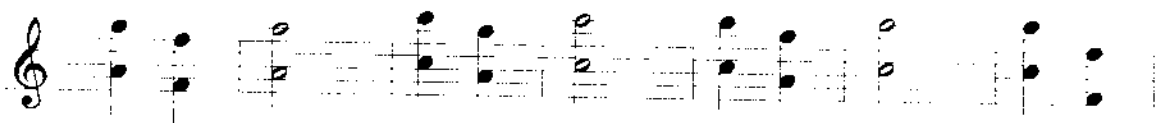
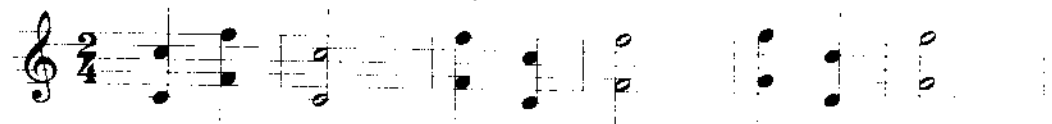


3. Để đánh ngón song long, cùng phát cũng như phát nối tiếp, ta dùng hai ngón 1 và 3 của tay phải, ngón 3 đánh âm trầm, ngón 1 đánh âm cao.

Bài 39 - Tập ngón song long (đi liền bậc). Gam: đô rê pha xon la (đô).



Bài 40 - Tập ngón song long (đi cách bậc).



Lưu thủy tẩu mã

(Nhạc cổ)

Phối cho thập lục : VĂN LUYỀN

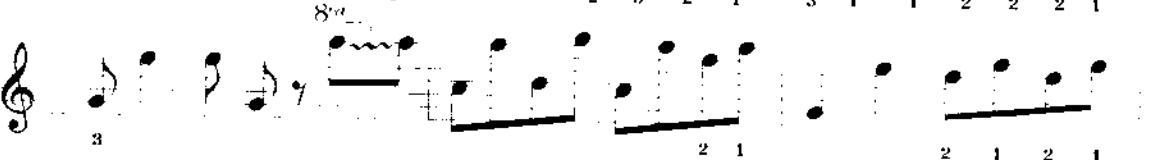
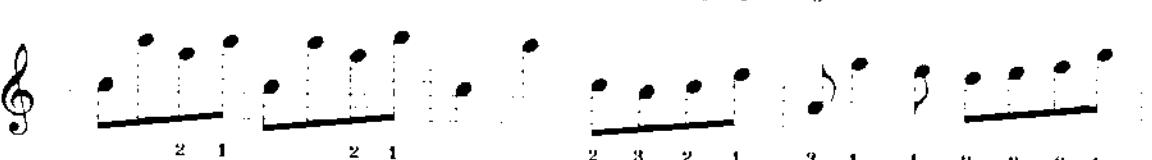
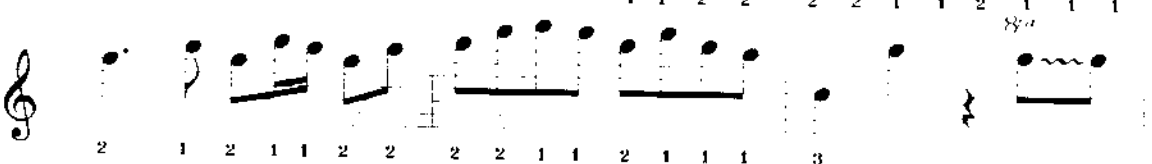
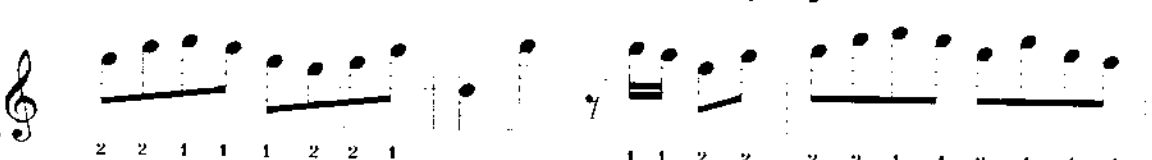
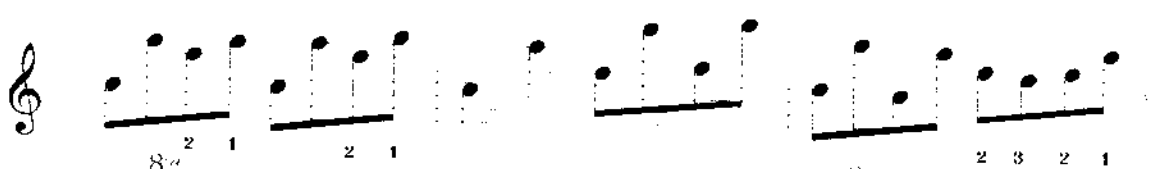
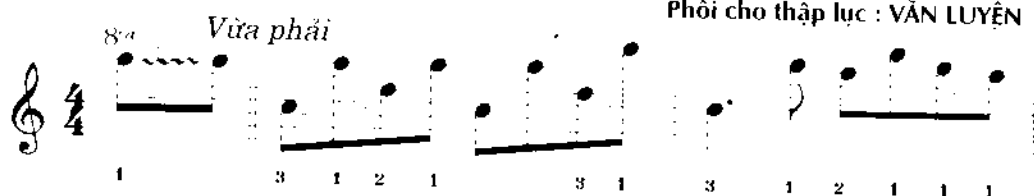
Hơi nhanh

Musical score for the piece "Lưu thủy tẩu mã" (Lưu thủy tẩu mã). The score is written in treble clef with a 3/2 time signature. It includes fingerings (1, 2, 3) and dynamic markings (8^{va}). The score is divided into two systems, each containing five staves. The first system starts with a treble clef and a 3/2 time signature. The second system starts with a treble clef and a 3/2 time signature. The score ends with a double bar line.

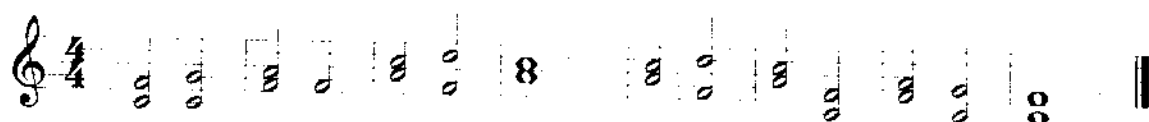
Bài 42 - Bài tập giải trí về ngón song long phát nối tiếp.

Bình bán
(Nhạc cổ)

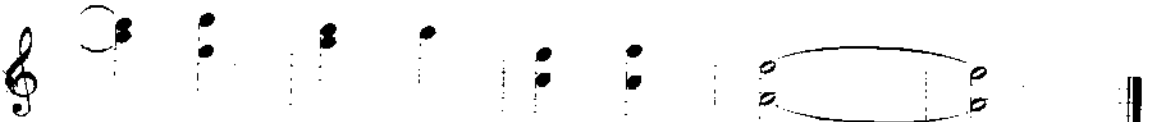
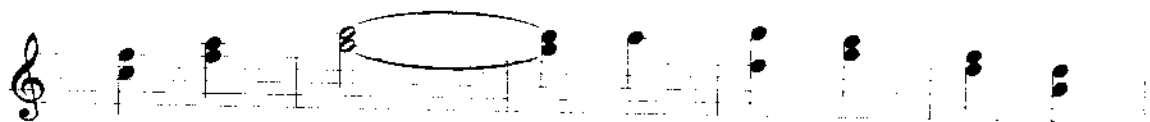
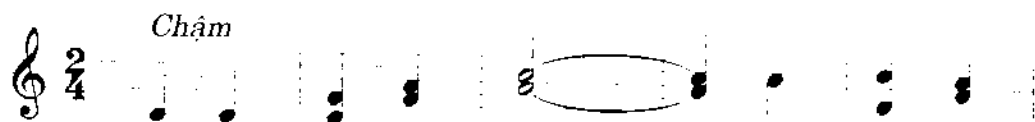
Phối cho thập lục : VĂN LUYỆN



Bài 44 - Tập ngón song huyền.



Bài 45 - Dùng ngón song huyền trong một bán nhạc ngắn. Gam: đô rê pha xon la (đô).

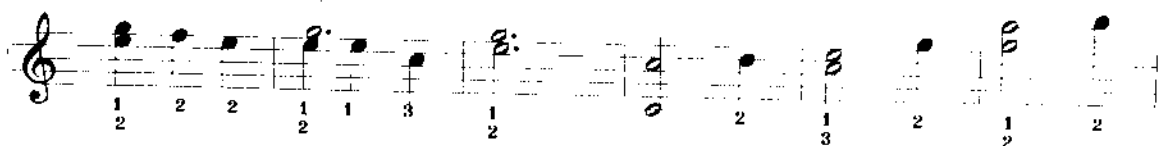
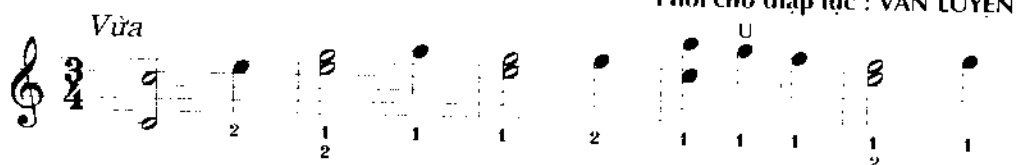


Bài 46 - Bài tập về ngón song huyền, có tính chất giải trí. Gam: đô rê mi xon la (đô).

Làng tôi

Nhạc : VĂN CAO

Phối cho thập lục : VĂN LUYỆN





Ngón vô

1. Trong những bản nhạc vui, muốn cho tiếng đàn có một ít màu sắc dịu dàng, người chơi “vô” trên đoạn dây bên phía trái của nhận. (Trong bản nhạc buồn, thỉnh thoảng cũng có dùng ngón vô).

2. Vô nghĩa là dùng đầu hai ngón (ngón trỏ, ngón giữa) hoặc ba ngón (ngón trỏ, ngón giữa, ngón nhẫn) của tay trái ấn nhẹ lên dây bên phía trái của nhận, rồi liền sau đó nhấc những ngón tay trái ấy lên, nhấc nhanh. Thời gian ấn lên dây rất ngắn.

3. Chỉ ấn nhẹ thôi, ấn đến mức nâng tiếng của nốt gảy lên đến 1/2 âm.

Và cũng vì chỉ ấn nhẹ, cho nên khi ấn, chủ yếu là dùng sức của các ngón tay.

4. Nếu chỉ cần vô một cái thì làm động tác ấn, nhấc mỗi cái một lần. Nếu vô hai cái, thì làm động tác ấn, nhấc hai lần.

Với nốt độ dài bằng một móc đơn, thì vô một cái; với nốt có độ dài bằng một nốt đen hay nốt trắng, có thể vô hai cái.

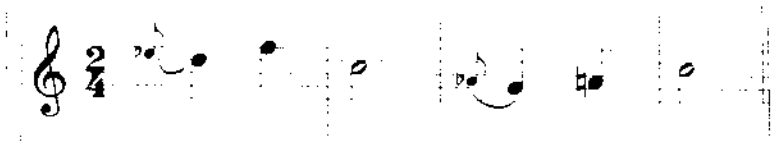
5. Có hai kiểu vô:

Kiểu thứ nhất: Cùng một lúc, ngón tay phải vừa gảy, ngón tay trái vừa vô. Thông thường, kiểu vô này dùng ở phách mạnh.

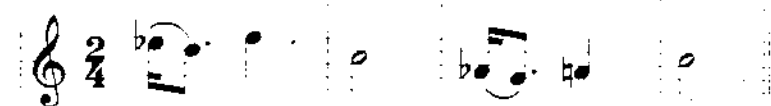
Có thể ghi kiểu vô này như sau:



Cũng câu nhạc đó, có vỗ
(kiểu 1)



Cách đánh nốt vỗ (kiểu 1)



Kiểu thứ hai: Ngón tay phải gảy trước, ngón tay trái vỗ liền sau khi gảy. Thông thường, kiểu vỗ này dùng ở phách yếu và phần yếu của phách.

Có thể ghi kiểu vỗ này như sau:

Câu nhạc không có vỗ



Cũng câu nhạc đó có vỗ (kiểu 2)



6. Chúng tôi ghi ký hiệu V lên trên những nốt nào cần vỗ. Ví dụ:

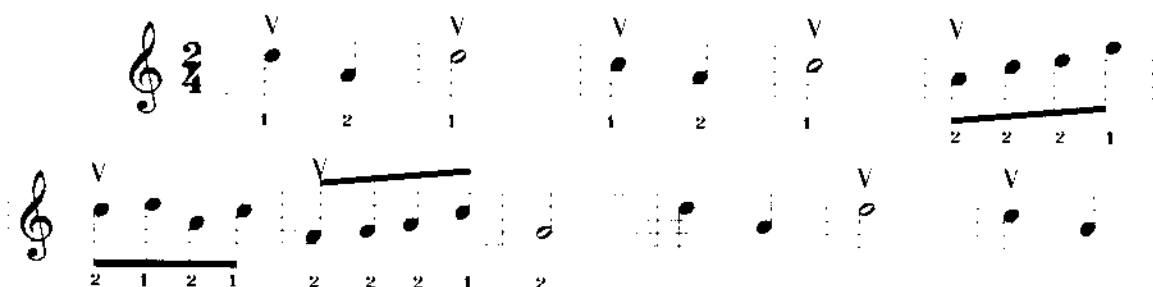
Cách ghi nốt vỗ

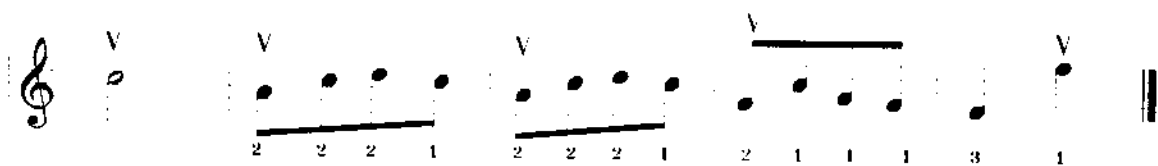


Cách đánh

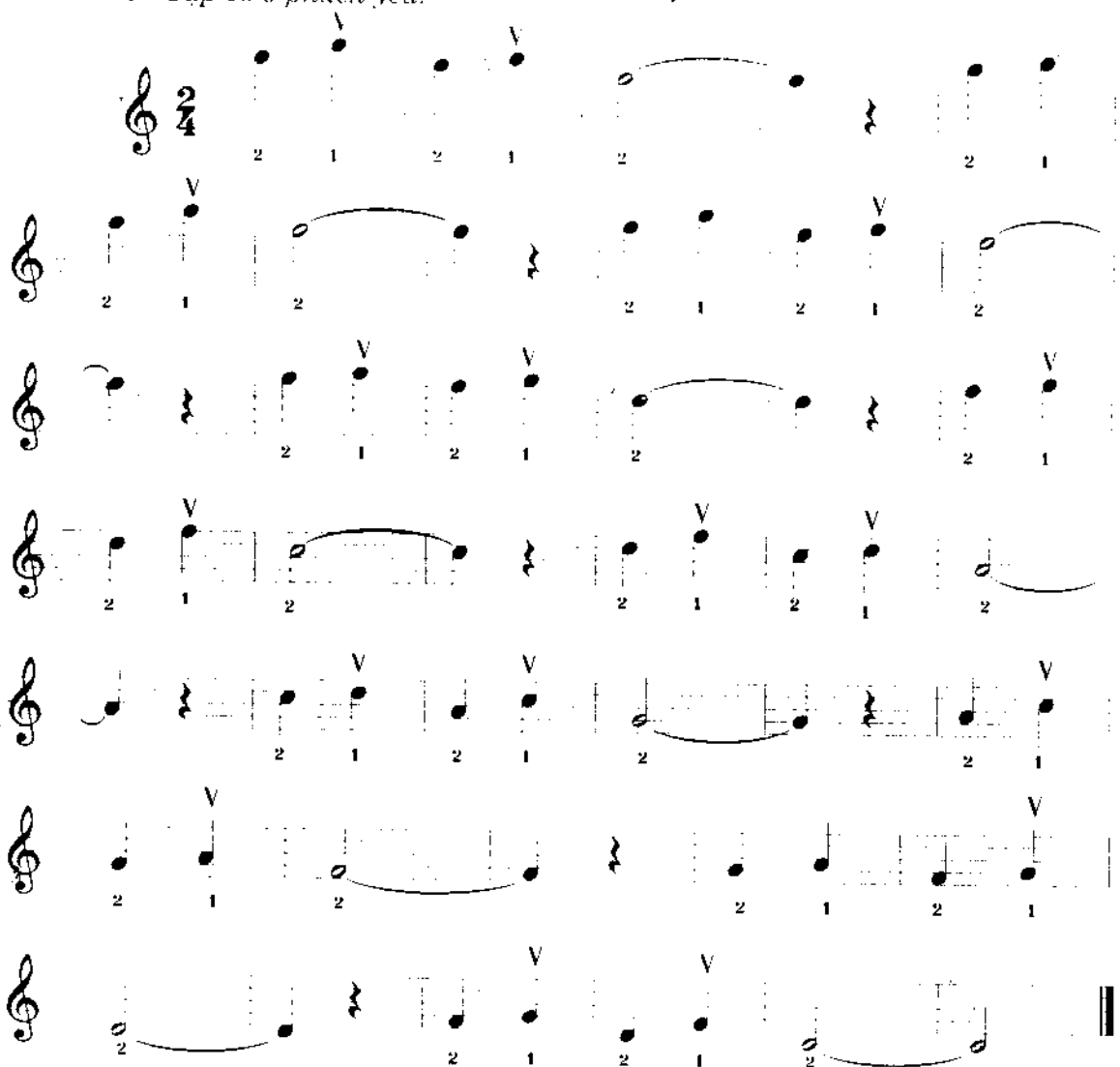


Bài 47 - Tập vỗ ở phách mạnh.





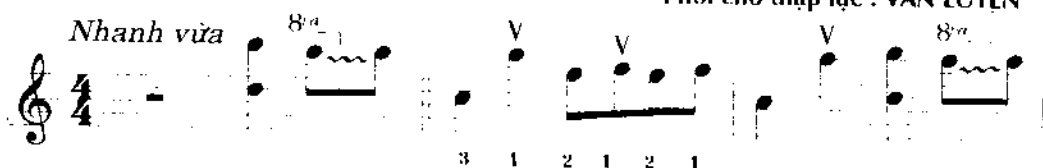
Bài 48 - Tập vỗ ở phách yếu.



Bài 49 - Bài tập về ngón vỗ, có tính chất giải trí. Gam: đô rê pha xon la (đô).

Kim tiền
(Nhạc cổ)

Phối cho thập lục : **VĂN LUYỆN**



2 1 2 1 2 1 2 1

2 1 1 1 2 1 2 1

1 2 1

2 1 2 1 2 1 2 1 1 1 2 1 2 1

2 1 2 1 2 1 2 1

8^{va}

3, 1 2 1

3 1 1 3

8^{va}

3 1 3 3 1 1

2 1 2 1 1 1 1 2 1

2

3 1 3 3 1 1

2 1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 1

2 2 1 1

2 1 1 1 2 3 2 1

2 1 2 2 1 1

3 1

2 1 1 1 2 1 2 1

2 2 1 1 2 1 2 1

V Châm lại

3 1 3 1

1 1 2 1 1 1 1 1 2 2

2 1

Ngón rung

1. Trong những bản nhạc du dương, buồn, muốn cho tiếng đàn có cái gì thấm thía, xúc động, người chơi “rung” đoạn dây bên phía trái của nhận.

2. Ngón rung dùng ngay sau khi ngón tay phải đã gậy vào dây.

Muốn rung, tay trái làm những động tác như sau:

- Trên đoạn dây phía trái của bạn (dây mà ngón tay phải vừa gảy), đầu các ngón tay trái chạm lên; nếu một ngón thì dùng ngón trỏ, nếu hai ngón thì dùng ngón trỏ và giữa, nếu ba ngón thì thêm ngón nhẫn.

- Các ngón tay trái ấn nhẹ lên dây, nâng tiếng vang của âm vừa gảy lên đến nửa âm.

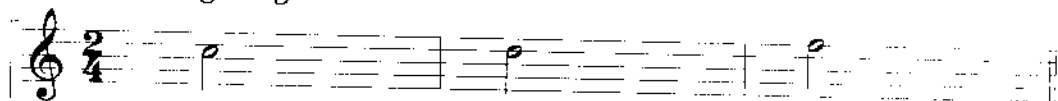
- Đầu các ngón tay trái vẫn còn chạm trên dây, nhưng không ấn nữa, mà để cho các ngón tay trái tự nâng lên, tiếng vang của âm được trả lại ở độ cao cũ, độ cao lúc chưa ấn.

- Các ngón tay trái làm động tác ấn, tự nâng lên ba, bốn lần, làm hơi nhanh.

3. Khi rung, chủ yếu là dùng sức của các ngón tay mà rung.

4. Có thể ghi ngón rung như sau:

Nốt nhạc không rung

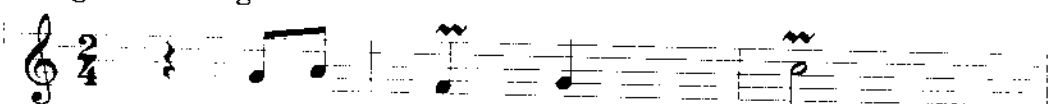


Nốt nhạc rung



5. Trên những nốt nhạc nào cần rung, chúng tôi ghi dấu . Ví dụ:

Cách ghi dấu rung



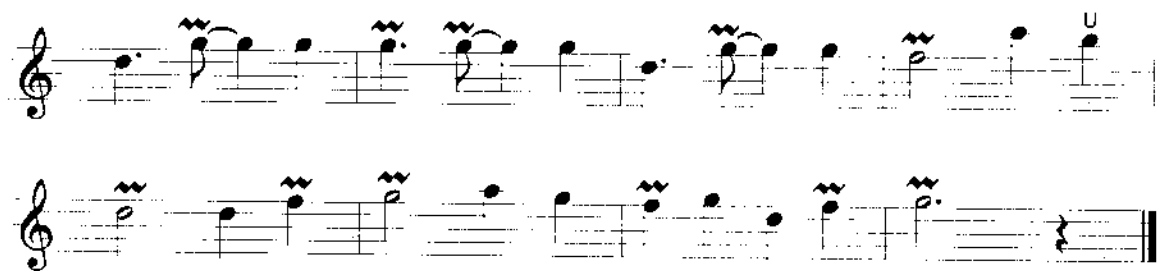
Cách đánh



Bài 51 - Tập ngón rung. Gam: đô rê pha xon la (đô).

Tu do

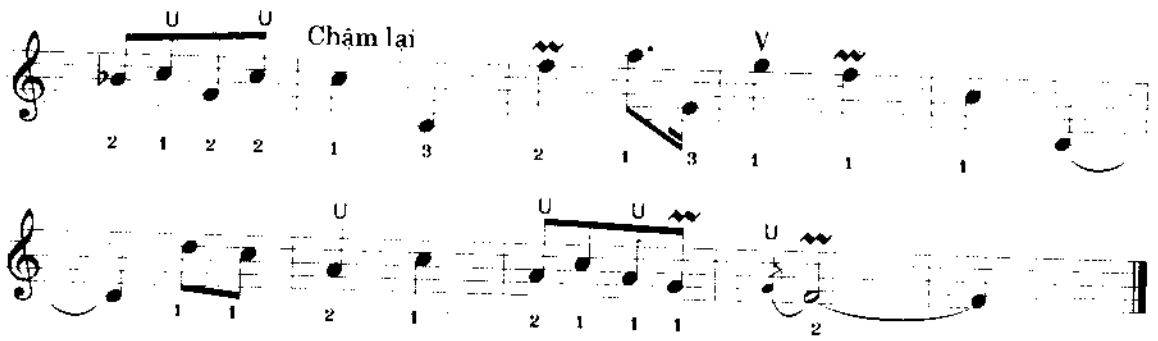




Bài 52 - Một đoạn nhạc dạo, có ngón rung. Gam: đô rê pha xon la (đô).

Chậm

Nhanh lên



Bài 53 - Bài tập có tính chất giải trí về ngón rung. Gam: đô rê pha xon la (đô).

Hành vân

Chậm V

2 2 1 1 3 1 2 2 1 1

2 2 1 1 1 2 1 2 1 3 1 1 2 2 1 1 2

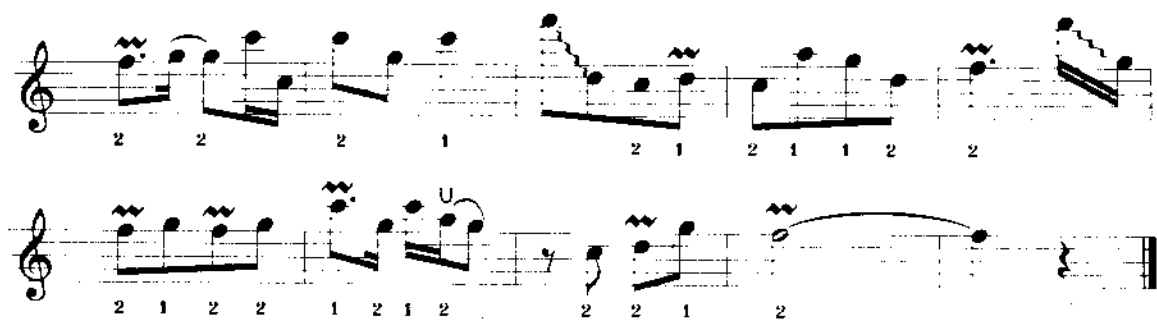
U 1 1 2 1 2 1 1 1 2 1 2 1 2 1 2 2

1 1 1 2 2 1 2 2 1 2 2 2 2 1 1 3

2 2 1 1 2 2 2 2 2 1 1 2 1 1

U U U 3 2 2 1 1 2 1 2 2 1 2 1

2 1 2 2 1 1 1 2 1 3 2 1 1 2 1



Bài 54 - Bài tập có tính chất giải trí về ngón rung. Gam: đô rê pha xon la (đô).

Tứ đại cảnh

This page contains ten staves of musical notation for a guitar exercise. The notation includes various techniques such as trills (marked with 'w'), slurs (marked with 'U'), vibrato (marked with 'V'), and a tremolo effect (marked with '8va'). Fingerings are indicated by numbers 1 and 2 below the notes. The exercise is written in a single melodic line on a six-string guitar.

Staff 1: 1 2 2 1 2 2 1 3 2 2 1

Staff 2: 2 2 1 2 2 1 2 1 1 1 2 1

Staff 3: 2 2 2 2 2 2 2 1 8va

Staff 4: 1 1 1 1 2 2 1 2 2 1

Staff 5: 1 2 1

Staff 6: 2 2 1 2 1 2 1 1 2 2 1

Staff 7: 2 1 1 2 1 1 2 1 8va

Staff 8: 2 1 2 2 1 2 2 1

Staff 9: 2 1 1 2 2 1 2 1 2 1

Staff 10: 2 2 1 2 2

1 2 1 2 1 1 3 2 1 2 1 1 2 1

2 2 1 8^{va} V

U 2 1 2 2 1 2 1 2 2 1

U 2 2 1 2 1 2 U 2 1 2

U 2 3 2 2 2 2 2 1 2 1 2 1

U 2 2 1 2 1 2 2 1 1 2 2 1 2 1

U V U 2 2 1 2 1

2 3 2 2 1 8^{va} V 1

U U Chậm lại Hết

2 2 1 2 1 2 2 2 1

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
PHẦN THỨ NHẤT	5
- Giới thiệu cây đàn thập lục	5
- So dây	5
- Tư thế đánh đàn	6
- Hai bàn tay	8
- Móng đàn	8
- Cách đặt bàn tay phải lên đàn	9
PHẦN THỨ HAI	11
- Tập cơ bản	11
- Tập tay phải	11
- Tập tay trái	19
- Phối hợp của các ngón tay phải	21
PHẦN THỨ BA - CÁC NGÓN KỸ THUẬT	27
- Ngón á	27
- Ngón nhấn	34
- Ngón song long	42
- Ngón song huyền	45
- Ngón vỗ	47
- Ngón rung	51
MỤC LỤC	59

TỰ HỌC ĐÀN THẬP LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN ĐỨC THANH

Biên tập : **TẠ TUẤN**
Bìa và trình bày : **TRITHUC DESIGN OFFICE**
Sửa bản in : **ANH TÙNG**

In 1000 cuốn khổ 19 x 27 tại : Cty Đầu Tư và XNK Văn Hóa.KHXB số 822/21-97
CXB-QLXB do Cục Xuất Bản cấp ngày 27.11.1996. GP XB số : 134/97/AN do NXB
cấp ngày 14.10.1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5.1998

¥577 4.6

Giá : 16.000 đ